# DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NHẬN TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI HẰNG THÁNG QUA TÀI KHOẢN
# XÃ CHÍ MINH
# Tháng 7 Năm 2026

| TT | Họ và tên người hưởng trợ cấp | Ngày sinh | CCCD | Địa chỉ | | Loại đối tượng | Mức trợ cấp | Người nhận | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thôn | Xã | | | Số tài khoản | Tên ngân hàng | Tên chủ tài khoản đối với tài khoản ủy quyền |
| 1 | Phạm Đức Hiên | 01/03/1932 | 030032000118 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0081001182045 | Vietcombank | Phạm Đức Bôn |
| 2 | Phan Văn Sầm | 01/05/1933 | 030033004496 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9329093774 | VCB | Phạm Thị Thu |
| 3 | Phạm Thị Vốn | 01/05/1933 | 030133007024 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043557 | Agribank | Nguyễn Thị Lới |
| 4 | Phạm Thị Xây | 02/05/1936 | 030136004856 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231006045 | Agribank | Phạm Thị Dung |
| 5 | Nguyễn Thị Lan | 02/05/1940 | 030140004972 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231095124 | Agribank | Phạm Văn Thiệp |
| 6 | Phạm Trường Nơ | 05/01/1938 | 030038000382 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205249774 | Agribank | Phạm Huy Phương |
| 7 | Phạm Thị Thu | 05/10/1940 | 030140001455 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9329093774 | VCB | Phạm Thị Thu |
| 8 | Phan Thị Xu | 10/04/1930 | 030130004341 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 106879368085 | Vietinbank | Phạm Thị Hoa |
| 9 | Phạm Văn Sậu | 12/07/1930 | 030030002565 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1014042026 | VCB | Phan Thị Oanh |
| 10 | Phạm Thị Căn | 13/01/1933 | 030133006343 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46810002112113 | BIDV | Nguyễn Xuân Càn |
| 11 | Phan Thị Sung | 13/05/1936 | 030136007309 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 00005143093 | TP BANK | Phạm Thị Óng |
| 12 | Nguyễn Văn Phòng | 16/03/1935 | 030035002801 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 106879368085 | Vietinbank | Phạm Thị Hoa |
| 13 | Phạm Thị Huê | 16/03/1938 | 030139007445 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0975934229 | Viettinbank | Phạm Thị Hoa |
| 14 | Phạm Thị Khế | 16/03/1940 | 030140000816 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205175496 | Agribank | Hà Quang Líu |
| 15 | Nguyễn Văn Nhẽ | 18/03/1940 | 030040005094 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 065267580001 | LPBank | Nguyễn Văn Kiên |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Phan Thị Miễu | 01/01/1933 | 030133005723 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602991556 | BIDV | Đào Thị Hiền |
| 17 | Phạm Thị Đính | 01/01/1936 | 030136005394 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205215800 | Agribank | Nguyễn Văn Hệ |
| 18 | Phan Ngọc Uất | 01/01/1937 | 030037003651 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0975934229 | Vietinbank | Phạm Thị Hoa |
| 19 | Nguyễn Thị Nấm | 01/01/1938 | 030138004762 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007163252 | VCB | Phạm Đình Thái |
| 20 | Phạm Thị Huê | 21/03/1938 | 030138006175 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043613 | Agribank | Phạm Đức Nghi |
| 21 | Phạm Thị Lý | 23/04/1940 | 030140000625 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205249774 | Agribank | Phạm Huy Phương |
| 22 | Nguyễn Thị Sớm | 25/01/1936 | 030136006884 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205213935 | Agribank | Phan Văn Truệ |
| 23 | Phạm Thị Don | 26/03/1939 | 030139006821 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 065267580001 | LPBank | Nguyễn Văn Kiên |
| 24 | Phạm Văn Liễm | 26/04/1931 | 030031000105 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205215800 | Agribank | Nguyễn Văn Hệ |
| 25 | Bùi Thị Khoản | 01/07/1942 | 030142003867 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231017478 | Agribank | Phạm Đức Sơn |
| 26 | Phạm Thị Tiến | 06/04/1939 | 030139000593 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602496307 | BIDV | Lê Thị Thúy |
| 27 | Nguyễn Thị Hạt | 10/02/1939 | 030139000115 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 6200205602065 | Agribank | Phạm Văn Hùng |
| 28 | Phạm Thị Phiễu | 13/05/1940 | 030140005560 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205378834 | Agribank | Phạm Thị Quý |
| 29 | Phạm Thị Tươi | 13/08/1935 | 030135005252 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 00005143093 | Tp Bank | Phạm Thị Óng |
| 30 | Trịnh Thị Thạo | 13/08/1940 | 030140008383 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1040750348 | Vietcombank | Phạm Thị Ngọc Mai |
| 31 | Phạm Thị Hãnh | 23/11/1932 | 030132003180 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603018272 | BIDV | Phan Thị Hồng Nhung |
| 32 | Phạm Thị Bầm | 05/06/1938 | 030138008913 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231063968 | Agribank | |
| 33 | Hoàng Thị Xuyền | 11/01/1938 | 030138006608 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043830 | Agribank | |
| 34 | Phạm Văn Ưởng | 15/09/1933 | 030033002674 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043659 | Agribank | Phạm Thị Hái |
| 35 | Trần Ngọc Ưng | 01/01/1935 | 030035000410 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205386073 | Agribank | Vũ Văn Cường |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 36 | Nguyễn Văn Siển | 01/01/1939 | 030039004495 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0358512308 | Vietinbank | Nguyễn Thị Hời |
| 37 | Hà Thị Chưa | 02/02/1939 | 030139000288 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105866815297 | Vietinbank | Nguyễn Thị Thuỷ |
| 38 | Phạm Văn Oánh | 02/06/1936 | 030036006560 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105866815297 | Vietinbank | Nguyễn Thị Thuỷ |
| 39 | Đỗ Thị Tiền | 02/08/1940 | 030140000578 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043694 | Agribank | |
| 40 | Nguyễn Thị Goòng | 03/07/1940 | 01140012973 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06700508622100001 | Oceanbank | Phạm Văn Chiu |
| 41 | Phạm Thị Tẹo | 10/01/1934 | 030134006802 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205177695 | Agribank | Phạm Thị Luyện |
| 42 | Phạm Thị Búp | 10/02/1923 | 030123002482 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043665 | Agribank | Phạm Văn Thép |
| 43 | Phạm Thị Đúc | 15/8/1931 | 030131000392 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205141929 | Agribank | Phạm Văn Hánh |
| 44 | Phạm Thị Lếnh | 17/08/1941 | 030141003099 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231000679 | Agribank | Phạm Thị Hoa |
| 45 | Phạm Thị Phả | 19/05/1939 | 030139000918 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0358512308 | Vietinbank | Nguyễn Thị Hời |
| 46 | Phạm Xuân Mùi | 19/08/1940 | 030040005632 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4604884157 | BIDV | Nguyễn Thị Huyền |
| 47 | Vũ Văn Quyết | 12/10/1933 | 030033005333 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205386073 | Agribank | Vũ Văn Cường |
| 48 | Nguyễn Thị Loan | 01/01/1935 | 030135003328 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 239987001 | VPBank | Phạm Văn Rồng |
| 49 | Phạm Thị Bé | 01/01/1935 | 030135003255 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231000712 | Agribank | Nguyễn Thị Liễu |
| 50 | Phạm Văn Cao | 08/04/1930 | 030030003027 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231013120 | Agribank | Phạm Văn Mên |
| 51 | Nguyễn Thị Tú | 09/02/1930 | 030130001889 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4480463068 | BIDV | Phạm Thị Hải |
| 52 | Phạm Văn Tẽo | 12/8/1932 | 030032004650 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205306101 | Agribank | Phạm Văn Chinh |
| 53 | Phạm Thị Xiêm | 01/01/1923 | 030123003107 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205177695 | Agribank | Phạm Thị Luyện |
| 54 | Nguyễn Thị Oanh | 01/01/1943 | 030143000953 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205386073 | Agribank | Vũ Văn Cường |
| 55 | Nguyễn Thị Chinh | 08/08/1943 | 030143004390 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205109042 | Agribank | Phạm Văn Khuề |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 56 | An Thị Thoa | 12/11/1943 | 030143000630 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 700019719700 | Shinhan bank | Trương Thị Hạnh |
| 57 | Phạm Thị Nhớn | 04/01/1930 | 030130005636 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043852 | Agribank | Đỗ Thị Đưng |
| 58 | Đào Thị Ngọt | 18/05/1941 | 030141006065 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231098224 | Agribank | Phạm Văn Thủy |
| 59 | Trần Văn Mãi | 20/05/1937 | 030037003043 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231103932 | Agribank | Đỗ Thị Ngoãn |
| 60 | Phạm Thị Khê | 10/06/1944 | 030144007132 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602496158 | BIDV | Phạm Thị Nga |
| 61 | Phạm Thị Hứa | 01/01/1940 | 030140001059 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19038979736019 | Techcombank | Phạm Xuân Tuyển |
| 62 | Phạm Xuân Sậu | 10/07/1941 | 030041000054 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062256 | Agribank | Phạm Xuân Duẩn |
| 63 | Ngô Thị Tới | 15/10/1938 | 030138000873 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062516 | Agribank | |
| 64 | Phạm Thị Nhỡ | 18/04/1939 | 030139003085 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062256 | Agribank | Phạm Xuân Duẩn |
| 65 | Phạm Thị Nuôi | 01/01/1942 | 030142000163 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205038465 | Agribank | Nguyễn Văn Thích |
| 66 | Nguyễn Văn Mực | 01/01/1942 | 030042000869 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205038465 | Agribank | Nguyễn Văn Thích |
| 67 | Phạm Xuân Choang | 01/09/1941 | 030141004780 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043114 | Agribank | |
| 68 | Phạm Thị Vóc | 01/01/1928 | 030128002351 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231134262 | Agribank | Trương Văn Nến |
| 69 | Phạm Hữu Trợ | 01/01/1931 | 030031000171 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205177695 | Agribank | Phạm Thị Luyện |
| 70 | Nguyễn Thị Hồi | 01/01/1933 | 030133000425 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205203528 | Agribank | Phạm Xuân Mến |
| 71 | Phạm Xuân Gọi | 01/01/1938 | 030038002822 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014942456 | MSB | Phạm Xuân Nhuận |
| 72 | Ngô Thị Chinh | 01/01/1940 | 030140006809 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231042997 | Agribank | |
| 73 | Phạm Thị Đã | 01/01/1941 | 030141000678 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006968568 | VCB | Hoàng Thị Vui |
| 74 | Phạm Thị Xoa | 08/10/1939 | 030139005240 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014942456 | MSB | Phạm Xuân Nhuận |
| 75 | Phạm Thị Thì | 10/08/1938 | 030138008471 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229223594743 | MB | Phạm Tú Phương |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 76 | Nguyễn Thị Vọ | 01/01/1929 | 030129002280 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062755 | Agribank | |
| 77 | Ngô Bá Ước | 15/01/1937 | 030037000617 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043318 | Agribank | |
| 78 | Phan Thị Thử | 15/02/1933 | 030133005492 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062601 | Agribank | Phạm Thị Xòe |
| 79 | Trịnh Thị Sáp | 15/03/1939 | 030139005619 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215022830 | Agribank | Nguyễn Thị Hiền |
| 80 | Phạm Văn Chính | 19/9/1940 | 030040001221 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229234178627 | MB | Phạm Thị Loan |
| 81 | Phạm Thị Thưa | 01/01/1930 | 030130002367 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043195 | Agribank | Trương Thị Tảng |
| 82 | Nguyễn Thị Thước | 01/01/1932 | 030132007931 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 700013665385 | Shinhan bank | Phạm Duy Đông |
| 83 | Nguyễn Thị Nuôi | 01/01/1929 | 030129003294 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205425101 | Agribank | Phạm Xuân Đông |
| 84 | Phạm Thị Cối | 01/01/1933 | 030133002832 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231017478 | Agribank | Phạm Đức Sơn |
| 85 | Trương Thị Với | 01/01/1934 | 030134004813 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205361218 | Agribank | Ngô Xuân Tưởng |
| 86 | Phạm Thị Liệu | 01/01/1934 | 030134004959 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249002990 | Agribank | Phạm Xuân Nhừ |
| 87 | Ngô Thị Tuân | 01/01/1935 | 030135002622 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007058936 | VCB | Phạm Hữu Bình |
| 88 | Phạm Thị Bạ | 01/01/1936 | 030136006901 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205215800 | Agribank | Nguyễn Văn Hệ |
| 89 | Nguyễn Văn Chếnh | 01/01/1936 | 030036006301 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8870015914 | BIDV | Phạm Văn xoẻng |
| 90 | Phạm Thị Dịu | 01/01/1937 | 030137004141 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058113320 | Vietcombank | Phạm Xuân Tuyền |
| 91 | Phạm Xuân Quýt | 01/01/1937 | 030037000524 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19038979736019 | Techcombank | Phạm Xuân Tuyển |
| 92 | Phạm Thị Lịt | 01/01/1937 | 030137004607 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007168332 | VCB | Phạm Như Thuy |
| 93 | Phạm Thị Len | 01/01/1938 | 030138008371 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06745085800068 | MBV | Phạm Xuân Nhự |
| 94 | Phạm Thị Nghi | 01/01/1938 | 030138006479 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231042787 | Agribank | |
| 95 | Nguyễn Thị Xứ | 01/01/1938 | 030138000731 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06745085800068 | MBV | Phạm Xuân Nhự |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 96 | Nguyễn Hồng Hiểu | 01/01/1938 | 030038005622 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1027673370 | VCB | Nguyễn Thị Hồng |
| 97 | Phạm Thị Liền | 01/01/1940 | 030140004470 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062551 | Agribank | |
| 98 | Phạm Thị Gái | 01/01/1940 | 030140007375 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229227813875 | MB | Bùi Thị Cúc |
| 99 | Phạm Thị Kiểm | 04/01/1940 | 030140003537 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105001692086 | Vietinbank | Đặng Văn Bích |
| 100 | Trịnh Thị Dịu | 01/01/1941 | 030141001302 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 108877426102 | Vietinbank | Nguyễn Thị Lý |
| 101 | Phạm Xuân Bậc | 20/04/1931 | 030031002201 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0982772888 | BIDV | Phạm Xuân Khái |
| 102 | Phạm Xuân Chức | 20/04/1939 | 030039002950 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231128536 | Agribank | |
| 103 | Phạm Xuân Hiền | 20/08/1938 | 030038000418 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043268 | Agribank | |
| 104 | Phạm Thị Mối | 24/11/1940 | 030140007019 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043064 | Agribank | Phạm Văn Mộc |
| 105 | Nguyễn Thị Mạ | 25/01/1938 | 030038003509 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9912569631 | VCB | Phạm Xuân Luýt |
| 106 | Phạm Thị Chiêm | 30/01/1935 | 030135002254 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0364578067 | Vietinbank | Nguyễn Quỳnh Mai |
| 107 | Phạm Thị Tàm | 02/02/1939 | 030139005489 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1719961999 | MB | Phạm Thị Thương |
| 108 | Phạm Thị Thuận | 01/01/1928 | 030128003454 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043274 | Agribank | Nguyễn Thị Nam |
| 109 | Hoàng Thị Chĩnh | 01/01/1932 | 030132000703 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062489 | Agribank | Nguyễn Văn Sanh |
| 110 | Nguyễn Văn Tỷ | 01/01/1939 | 030039000981 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 108877426102 | vietinbank | Nguyễn Thị Lý |
| 111 | Trịnh Văn Tiền | 01/01/1939 | 030039003640 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2153798707 | BIDV | Trịnh Thị Hảo |
| 112 | Đặng Thị Canh | 29/12/1927 | 030127003128 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205094262 | Agribank | Phạm Thị Thúy |
| 113 | Phạm Thị Điến | 30/01/1928 | 030128002570 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0978380271 | VPBank | Nguyễn Văn Huy |
| 114 | Phạm Thị Thơm | 01/01/1942 | 030142006611 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1027673370 | VCB | Nguyễn Thị Hồng |
| 115 | Phạm Thị Huấn | 01/01/1942 | 030142000160 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229204196070354 | MB | Lý Tài Múi |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 116 | Phạm Thị Quấn | 01/01/1942 | 030142005012 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603927226 | BIDV | Phạm Văn Đạt |
| 117 | Nguyễn Thị Ghính | 01/01/1942 | 030142003401 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043318 | Agribank | Ngô Bá Ước |
| 118 | Phạm Thị Xưa | 01/01/1942 | 030142000988 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4605040800 | BIDV | Nguyễn Thị Hương |
| 119 | Phạm Thị Tèo | 01/02/1942 | 030142008119 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205192125 | Agribank | Nguyễn Thị Sáu |
| 120 | Phạm Xuân Vè | 22/3/1942 | 030042006351 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1025641151 | VCB | Phạm Xuân Vinh |
| 121 | Nguyễn Văn Tiến | 04/05/1942 | 030042007355 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0968589512 | MB | Trịnh Vũ Hải |
| 122 | Nguyễn Thị Tẻo | 20/05/1942 | 030142000209 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043200 | Agribank | Phạm Văn Trung |
| 123 | Trương Thị Vớ | 06/9/1942 | 030142000881 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062437 | Agribank | Phạm Thị Mến |
| 124 | Nguyễn Văn Cừ | 05/10/1942 | 030042005848 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205216781 | Agribank | Nguyễn Thị Liên |
| 125 | Phạm Thị Hơn | 01/01/1943 | 030143004176 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043410 | Agribank | |
| 126 | Phạm Thị Thuyên | 01/01/1943 | 030143000842 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1025641151 | VCB | Phạm Xuân Vinh |
| 127 | Trần Thị Rễn | 01/01/1943 | 030143000773 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062233 | Agribank | Phạm Xuân Chung |
| 128 | Nguyễn Thị Tèo | 01/01/1943 | 030143000817 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0944113866 | VPBank | Phạm Văn Huấn |
| 129 | Ngô Thị Đông | 02/03/1943 | 030143005924 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205381687 | Agribank | |
| 130 | Phạm Thị Hế | 25/08/1943 | 030143006158 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0968589512 | MB | Trịnh Vũ Hải |
| 131 | Phạm Thị Mũn | 28/09/1943 | 030143006736 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 21510003196541 | BIDV | Phạm Thị Anh |
| 132 | Nguyễn Thị Ngủi | 15/07/1938 | 030138009280 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062539 | Agribank | Phạm Xuân Nhàm |
| 133 | Phạm Thị Miền | 05/08/1933 | 030133006999 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0978380271 | VPBank | Nguyễn Văn Huy |
| 134 | Phạm Thị Gúng | 01/01/1934 | 030134005161 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4682308143 | BIDV | Nguyễn Văn Tùng |
| 135 | Nguyễn Thị Tạ | 01/01/1936 | 030136008019 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0333395515 | Vietinbank | Phạm Thị Khánh |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 136 | Phạm Thị Mĩn | 01/01/1938 | 030138006074 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205266449 | Agribank | Nguyễn Văn Tèo |
| 137 | Nguyễn Thị Bẫy | 01/01/1938 | 030138005607 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205148169 | Agribank | Phạm Văn Nuôi |
| 138 | Phạm Thị Lỉnh | 20/10/1931 | 030131002019 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205330759 | Agribank | Trương Văn Muộn |
| 139 | Phạm Hữu Khá | 01/04/1938 | 030038004479 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0333395515 | Vietinbank | Phạm Thị Khánh |
| 140 | Phạm Thị Thoa | 01/01/1932 | 030132000380 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205303421 | Agribank | Phạm Xuân Quả |
| 141 | Phạm Thị Tháu | 01/01/1928 | 030128004025 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1015833805 | VCB | Phạm Văn Quynh |
| 142 | Phạm Thị Nữa | 01/01/1939 | 030139003885 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006968652 | VCB | Phạm Thị Ánh |
| 143 | Phạm Thị Thì | 01/01/1939 | 030139005450 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006968652 | VCB | Phạm Thị Ánh |
| 144 | Trương Thị Nề | 12/08/1942 | 030142003413 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0347349609 | MB | Phạm Thị Ngọc Mai |
| 145 | Ngô Thị Phỉnh | 01/01/1944 | 030144003654 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205383647 | Agribank | Đinh Thị Quyên |
| 146 | Phan Thị Nhiều | 01/01/1930 | 030130006811 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205408437 | Agribank | Vũ Thị Lương |
| 147 | Nguyễn Thị Bé | 13/7/1940 | 030140007302 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 103873878302 | Vietinbank | Lưu Văn Thành |
| 148 | Phạm Thị Ròn | 19/03/1937 | 030137004571 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043426 | Agribank | Phạm Thị Vạn |
| 149 | Phạm Thị Tự | 13/06/1920 | 030120002809 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231109010 | Agribank | Phan Huy Nghinh |
| 150 | Phạm Văn Đổ | 01/01/1938 | 030038000834 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231063764 | Agribank | |
| 151 | Phạm Thị Hái | 02/08/1937 | 030137003637 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043659 | Agribank | |
| 152 | Phạm Văn Phán | 05/08/1929 | 030029001637 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205285335 | Agribank | Phạm Văn Tùng |
| 153 | Phạm Thị Nhuần | 08/04/1931 | 030131003554 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8855982569 | BIDV | Phạm Thị Thảo |
| 154 | Trần Đức Quyền | 08/08/1936 | 030036004145 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231063808 | Agribank | |
| 155 | Phan Thị Đạn | 01/01/1929 | 030129003775 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231105422 | Agribank | Phạm Xuân Hiền |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 156 | Đặng Thị Bấm | 21/01/1934 | 030134004730 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602556557 | BIDV | Nguyễn Thị Thảo |
| 157 | Phùng Thị Cung | 25/01/1938 | 030138000396 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 107868627890 | Vietinbank | Phạm Thị Thanh |
| 158 | Phạm Văn Liễn | 25/05/1936 | 030036000211 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 107868627890 | Vietinbank | Phạm Thị Thanh |
| 159 | Nguyễn Thị Vũ | 21/07/1943 | 030143000458 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231063945 | Agribank | |
| 160 | Phạm Văn Tuyết | 08/03/1944 | 030044000395 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231014434 | Agribank | Phạm Văn Tuyển |
| 161 | Phạm Thị Nhâm | 01/05/1944 | 030144003009 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46010003853808 | BIDV | Phạm Văn Tuyên |
| 162 | Nguyễn Thị Hiễu | 10/12/1932 | 030132000437 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19032926975013 | Techcombank | Phạm Xuân Lộc |
| 163 | Phạm Thị Nói | 01/01/1931 | 030131002497 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205282206 | Agribank | Phạm Thị Khuyên |
| 164 | Đặng Thị Mực | 01/01/1934 | 030134003343 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007098196 | VCB | Nguyễn Văn Trung |
| 165 | Phạm Thị Then | 01/01/1936 | 030136000583 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249006014 | Agribank | Trương Văn Doãn |
| 166 | Phạm Xuân Tèn | 15/08/1932 | 030032002836 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 104879834624 | Vietinbank | Phạm Thị Thu Hiền |
| 167 | Phạm Thị Đĩnh | 01/01/1927 | 030127002091 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205282206 | Agribank | Phạm Thị Khuyên |
| 168 | Nguyễn Thị Lá | 03/06/1944 | 030144004959 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0396017992 | MB | Nguyễn Công Thịnh |
| 169 | Hữu Thị Tuy | 19/06/1944 | 030144004245 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602578214 | BIDV | Nguyễn Thị Thủy |
| 170 | Phạm Văn Đỗ | 04/06/1944 | 030044003353 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602578214 | BIDV | Nguyễn Thị Thủy |
| 171 | Trương Khắc Cẩm | 05/02/1945 | 030045000901 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46010003838780 | BIDV | Phạm Thị Lảng |
| 172 | Phạm Hiền Khiêm | 08/01/1945 | 030045006308 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 104878974767 | Vietinbank | Phạm Thế Tấn |
| 173 | Phạm Thị Kỳ | 01/01/1945 | 030145001088 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231024076 | Agribank | Phạm Văn Quý |
| 174 | Đặng Thị Tưởng | 01/01/1945 | 030145000967 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205240763 | Agribank | Lương Thị Huyền |
| 175 | Nguyễn Văn Phinh | 01/01/1945 | 030045001144 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014938468 | MSB | Nguyễn Thị Hà |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 176 | Phạm Văn Thảo | 04/4/1945 | 030045001285 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007000607 | Vietcombank | Phạm Thị Thòa |
| 177 | Phạm Văn Vịnh | 25/4/1945 | 030045005483 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1231036789 | Vietcombank | Phạm Thị Năm |
| 178 | Phạm Thị Đúc | 01/01/1945 | 030145000997 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9399550380 | Vietcombank | Phạm Xuân Lực |
| 179 | Phạm Văn Trự | 01/01/1945 | 030045001258 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043324 | Agribank | |
| 180 | Phạm Thị Cót | 03/01/1942 | 030142006424 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231062522 | Agribank | |
| 181 | Nguyễn Thị Mỹ | 01/01/1936 | 030136000191 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082486 | Agribank | Nguyễn Văn Hưng |
| 182 | Phạm Thị Nhài | 01/4/1938 | 030138000794 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1051124104 | Vietcombank | Nguyễn Thị Luyến |
| 183 | Nguyễn Thị Quýnh | 05/01/1933 | 030133000813 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007019451 | VCB | Nguyễn Thị Thuỳ |
| 184 | Trần Thị Thám | 10/10/1938 | 030138009992 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006940115 | VCB | Phạm Bích Thuỳ |
| 185 | Phạm Văn Thể | 15/07/1939 | 030039004553 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4682284492 | BIDV | Nguyễn Văn Hiệu |
| 186 | Phạm Thị Ngoãn | 01/01/1942 | 030142001240 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0343859014 | Vietinbank | |
| 187 | Nguyễn Thị Nhân | 15/01/1945 | 030145000329 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603935928 | BIDV | Hà Văn Dưỡng |
| 188 | Nguyễn Thị Thủ | 03/8/1935 | 030135000358 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006906496 | VCB | Lê Thị Thoa |
| 189 | Nguyễn Văn Năm | 05/05/1940 | 030040008769 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1047151168 | Vietcombank | Nguyễn Thị Huệ |
| 190 | Nguyễn Thị Ảm | 13/01/1939 | 030139004845 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 102000702128 | Vietinbank | Nguyễn Thị Sen |
| 191 | Nguyễn Thị Ngợi | 17/3/1934 | 030134000530 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 030056521042 | Sacombank | Nguyễn Văn Đầm |
| 192 | Nguyễn Thị Kiền | 30/10/1932 | 030132000524 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014982117 | MSB | Nguyễn Thị Hà |
| 193 | Nguyễn Thị Nhâm | 25/10/1930 | 030130003721 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46810001455286 | BIDV | Nguyễn Văn Quyền |
| 194 | Nguyễn Văn Mã | 20/10/1943 | 030043000648 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073587 | Agribank | |
| 195 | Nguyễn Đức Điều | 01/01/1937 | 030037000249 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231087740 | Agribank | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 196 | Nguyễn Thị Thòa | 01/01/1937 | 030137000399 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46010002550805 | BIDV | Nguyễn Thị Thắm |
| 197 | Nguyễn Thị Hồng | 01/01/1938 | 030138001213 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312666682222 | Agribank | Bùi Sỹ Tưởng |
| 198 | Nguyễn Trung Trắc | 01/9/1929 | 030029000197 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229265875307 | MB | Nguyễn Văn Thụ |
| 199 | Phạm Văn Thuận | 03/03/1937 | 030037000145 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215008557 | Agribank | Phạm Thị Hằng |
| 200 | Nguyễn Thị Tơ | 03/6/1929 | 030129000254 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229265875307 | MB | Nguyễn Văn Thụ |
| 201 | Trần Thị Sấn | 05/10/1938 | 030138000377 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231087740 | Agribank | Nguyễn Đức Điều |
| 202 | Lê Thị Vĩnh | 05/3/1935 | 030135005875 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2301205096438 | Agribank | Phạm Hữu Thái |
| 203 | Nguyễn Thị Hát | 06/9/1936 | 030136000324 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071870 | Agribank | Phạm Quốc Trung |
| 204 | Trần Văn Trịnh | 07/01/1928 | 030028003274 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0964454022 | MB | Đặng Thu Hà |
| 205 | Trần Thị Thung | 10/3/1935 | 030135000065 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231034658 | Agribank | Bùi Nam Thao |
| 206 | Nguyễn Thị Liên | 11/02/1933 | 030133000045 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1052467695 | Vietcombank | Bùi Thị Hương |
| 207 | Trần Thị Tắc | 12/01/1932 | 030132003914 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2301205165294 | Agribank | Bùi Sỹ Tuấn |
| 208 | Đặng Thị Nở | 12/3/1936 | 030136003919 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0491000147010 | VCB | Phạm Thị Lan |
| 209 | Trần Thị Phần | 15/09/1928 | 030128003408 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0387100307 | MSB | Nguyễn Thị Huê |
| 210 | Trần Thị Nạp | 15/7/1933 | 030133002287 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704030699819469 | Sacombank | Phạm Thị Chè |
| 211 | Lưu Thị Lương | 20/3/1933 | 031133000202 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312519861986 | Agribank | Nguyễn Ngọc Lợi |
| 212 | Phạm Thị Kẻ | 25/10/1939 | 030139001272 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071683 | Agribank | Trần Duy Miềng |
| 213 | Trần Thị Nhàn | 26/03/1939 | 030139006843 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8817842357 | BIDV | Trần Thị Thuý |
| 214 | Phạm Thị Qua | 28/08/1940 | 030140000468 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229244814062 | MB | Nguyễn Thị Mai |
| 215 | Nguyễn Thị Nhân | 30/01/1935 | 030135000697 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231087908 | Agribank | Trần Thị Liên |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 216 | Trần Thị Cáy | 30/11/1931 | 030131002924 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8817842357 | BIDV | Trần Thị Thuý |
| 217 | Phạm Thị Nhung | 03/02/1923 | 030123002139 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205372975 | Agribank | Nguyễn Nhật Thiệu |
| 218 | Trần Thị Thân | 06/6/1922 | 030122003826 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06706758042700068 | Oceanbank | Vũ Thị Thái |
| 219 | Nguyễn Thị Hoài | 05/01/1941 | 030141000130 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2301205165294 | Agribank | Bùi Sỹ Tuấn |
| 220 | Nguyễn Văn Ào | 10/02/1930 | 030030000122 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071710 | Agribank | |
| 221 | Nguyễn Thị Nhón | 01/01/1942 | 030142003466 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072027 | Agribank | |
| 222 | Đặng Thị Tùng | 25/06/1942 | 030142000093 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071806 | Agribank | |
| 223 | Phùng Thị Lũy | 08/10/1943 | 030143000271 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072010 | Agribank | Nguyễn Văn Hữu |
| 224 | Nguyễn Văn Thanh | 30/12/1944 | 030044001248 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231136780 | Agribank | Phạm Thị Tiếp |
| 225 | Phạm Thị Vở | 01/01/1945 | 030145008060 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014958475 | MSB | Bùi Văn Huấn |
| 226 | Nguyễn Văn Muộn | 10/07/1942 | 030042005743 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603921097 | BIDV | Phạm Thị Thập |
| 227 | Nguyễn Văn Ưởng | 10/02/1941 | 030041004110 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8828081968 | BIDV | Nguyễn Văn Bao |
| 228 | Nguyễn Thị Rít | 01/5/1921 | 030121002234 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205432658 | Agribank | Phạm Văn Ngọc |
| 229 | Vũ Thị Tuyên | 03/1928 | 030128001962 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007220328 | VCB | Đặng Thị Hương |
| 230 | Nguyễn Thị Miến | 12/01/1941 | 030141003189 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014935092 | MSB | Phạm Thị Chung |
| 231 | Phạm Thị Mận | 17/7/1937 | 030137000386 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681342254 | BIDV | Ngô Thị Thuyến |
| 232 | Nguyễn Thị Nhắc | 18/01/1934 | 030134007630 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229285302613 | MB | Tiêu Thị Nhài |
| 233 | Vũ Thị Chậm | 01/01/1942 | 030142005815 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1059414836 | Vietcombank | Vũ Văn Nam |
| 234 | Vũ Thị Xuân | 22/08/1943 | 030143000484 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46810002168444 | BIDV | Vũ Văn Thoả |
| 235 | Nguyễn Thị Thiêm | 12/06/1939 | 030139000160 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46010003097837 | BIDV | Nguyễn Thị Nhài |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 236 | Bùi Thị Trà | 22/5/1940 | 030140004815 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082276 | Agribank | |
| 237 | Bùi Thị Ngoạt | 01/05/1943 | 030143005744 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0399536295 | MB | Nguyễn Văn Soại |
| 238 | Đỗ Thị Tơ | 22/04/1928 | 030128003388 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229265879721 | MB | Nguyễn Thị Toan |
| 239 | Nguyễn Văn Hoãn | 01/11/1944 | 030044000662 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131610 | Agribank | Nguyễn Thị Quế |
| 240 | Vũ Thị Nhiên | 01/01/1945 | 030145001839 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0976022168 | MB | Phạm Văn Đoan |
| 241 | Phạm Văn Cỏn | 01/01/1945 | 030045005081 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46010002329263 | BIDV | Đặng Thị Ngọc Đức |
| 242 | Nguyễn Thị Bốn | 01/01/1941 | 030141004306 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058603672 | Vietcombank | Vũ Thị Hiền |
| 243 | Đặng Thị Đản | 01/01/1941 | 030141000584 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082890 | Agribank | |
| 244 | Vũ Văn Đàm | 10/05/1933 | 030033002147 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205018518 | Agribank | Vũ Văn Tâm |
| 245 | Vũ Văn Khang | 02/10/1940 | 030040007170 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082991 | Agribank | |
| 246 | Phạm Thị Phách | 02/10/1940 | 030140007354 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4609457642 | BIDV | Vũ Văn Luận |
| 247 | Vũ Văn Thịnh | 04/02/1937 | 030037000146 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014955559 | MSB | Vũ Thị Lịch |
| 248 | Phạm Quốc Huấn | 03/10/1942 | 030042006491 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205209395 | Agribank | Phạm Văn Quân |
| 249 | Vũ Văn Huấn | 01/01/1943 | 030043003218 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014956293 | MSB | Vũ Thị Nhuân |
| 251 | Vũ Thị Bốn | 04/10/1943 | 030143007433 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603030355 | BIDV | Phạm Văn Chản |
| 252 | Phạm Thị Nhãn | 01/01/1937 | 030137003273 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006905165 | VCB | Đỗ Thị Thơm |
| 253 | Nguyễn Văn Trạch | 01/01/1930 | 030030002250 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602551154 | BIDV | Nguyễn Thị Kiên |
| 254 | Nguyễn Thị Nhiễm | 01/01/1932 | 030132003485 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 011119778686 | MB | Nguyễn Ngọc Dinh |
| 255 | Nguyễn Thị Chừ | 01/01/1940 | 030140008100 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 418172557 | VPBank | Nguyễn Văn Tuấn |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 256 | Bùi Thị Được | 01/01/1940 | 031140000306 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4682310786 | BIDV | |
| 257 | Nguyễn Thị Tưởng | 10/02/1940 | 030140008227 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205218134 | Agribank | Nguyễn Thị Tuyết |
| 258 | Trần Thị Oánh | 01/01/1929 | 030129002874 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205197713 | Agribank | Nguyễn Công Bính |
| 259 | Trần Thị Loan | 01/01/1933 | 030133002950 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231108387 | Agribank | Đặng Văn Hân |
| 260 | Nguyễn Thị Ảnh | 01/02/1936 | 030136006946 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231086718 | Agribank | Đặng Minh Đức |
| 261 | Thang Thị Nghị | 01/01/1939 | 027139000026 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1035080889 | VCB | Nguyễn Thị Nhung |
| 262 | Nguyễn Thị Hoan | 01/01/1940 | 030140007798 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 100001692176 | Vietinbank | Ngô Thị Vân Chi |
| 263 | Phạm Văn Đụng | 01/01/1928 | 030028002907 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 103879764446 | Vietinbank | Nguyễn Văn Tâm |
| 264 | Phạm Thị Chấm | 01/01/1941 | 030141000113 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205358469 | Agribank | Trần Văn Mạnh |
| 265 | Phạm Thị Mây | 01/01/1934 | 030134000045 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072158 | Agribank | Nguyễn Trung Dũng |
| 266 | Trần Thị Bí | 24/08/1942 | 030142000091 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231086730 | Agribank | Nguyễn Văn Liên |
| 267 | Nguyễn Thị Kim | 01/01/1924 | 030124001400 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229246312214 | MB | Phạm Thị Thanh |
| 268 | Nguyễn Thị Thường | 01/01/1935 | 030135000091 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0972713077 | MB | Nguyễn Văn Ca |
| 269 | Phạm Thị Sáu | 01/01/1939 | 030139006313 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1031017991 | VCB | Nguyễn Văn Biện |
| 270 | Vũ Thị Hệ | 01/01/1940 | 030140000228 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 102001692161 | Vietinbank | Phạm Thị Huyên |
| 271 | Nguyễn Hồng Khanh | 20/02/1942 | 031042001281 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074596 | Agribank | |
| 272 | Chu Thị Phán | 01/01/1944 | 030144000874 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074783 | Agribank | Nguyễn Văn Ngữ |
| 273 | Phạm Thị Lánh | 01/01/1944 | 030144003910 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205281958 | Agribank | Chu Văn Biềng |
| 274 | Nguyễn Thị Cống | 01/01/1928 | 030128002825 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06700176300017 | MBV | Nguyễn Thị Phượng |
| 275 | Nguyễn Thị Hải | 01/01/1930 | 030130003288 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205226132 | Agribank | Bùi Văn Hà |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 276 | Phạm Văn Thơ | 01/01/1931 | 030031000286 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4633192043 | BIDV | Phạm Văn Chương |
| 277 | Nguyễn Thị Thái | 01/01/1931 | 030131003141 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1813517991 | VCB | Phạm Văn Quang |
| 278 | Trần Thị Bài | 01/01/1935 | 030135005287 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231035673 | Agribank | Lê Thị Nam |
| 279 | Nguyễn Thị Sâm | 01/01/1925 | 030125003681 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 5892888888 | Techcombank | Bùi Thị Dung |
| 280 | Bùi Công Trứ | 01/01/1932 | 030032005175 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231076402 | Agribank | |
| 281 | Nguyễn Thị Hường | 01/01/1943 | 030143006228 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205430045 | Agribank | Lê thị Diện |
| 282 | Vũ Đình Tuyên | 01/02/1939 | 030039000522 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231083148 | Agribank | |
| 283 | Phạm Thị Cửi | 01/01/1935 | 030135000117 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1030251985 | VCB | Vũ Xuân Mạnh |
| 284 | Phạm Thị Trai | 06/08/1935 | 030135003669 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341001965329 | VCB | Vũ Văn Bản |
| 285 | Vũ Thị Tám | 01/01/1938 | 030138000228 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082979 | Agribank | |
| 286 | Chu Văn Nho | 20/09/1942 | 030042000224 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231086639 | Agribank | |
| 287 | Ngô Bá Đàm | 02/03/1942 | 030042000209 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014935092 | MSB | Phạm Thị Chung |
| 288 | Nguyễn Thị Là | 01/04/1931 | 030131003173 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312666662666 | Agribank | Bùi Thế Toản |
| 289 | Nguyễn Doãn Hựu | 05/07/1944 | 030144004139 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602979400 | BIDV | Đỗ Văn Dũng |
| 290 | Phạm Thị Xu | 01/01/1922 | 030122002839 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229265877840 | MB | Nguyễn Thành Đồng |
| 291 | Phạm Thị Đồng | 01/01/1929 | 030129005038 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082542 | Agribank | Nguyễn Văn Huy |
| 292 | Nguyễn Thị Đỗ | 01/01/1932 | 030132005349 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058446401 | VCB | Phạm Thị Duyên |
| 293 | Trần Thị Roan | 01/01/1936 | 030136004423 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231105191 | Agribank | Phạm Hữu Luyên |
| 294 | Phạm Thị Hồng | 08/02/1943 | 030143000984 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0919990949999 | MB | Trần Thị Hiền |
| 295 | Bùi Văn Thỉnh | 06/06/1944 | 030044000069 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1031902745 | VCB | Bùi Văn Khoái |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 296 | Nguyễn Thị Xôi | 01/07/1933 | 030133006272 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0989370469 | MB | Bùi Văn Bình |
| 297 | Bùi Văn Nhượng | 01/01/1933 | 030033003888 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0989370469 | MB | Bùi Văn Bình |
| 298 | Nguyễn Thị Xanh | 01/01/1922 | 030122001340 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231076606 | Agribank | Nguyễn Văn Tân |
| 299 | Phạm Đức Kính | 08/05/1944 | 030044000082 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603633435 | BIDV | Phạm Văn Doanh |
| 300 | Nguyễn Viết Thức | 20/03/1944 | 030044001320 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231087870 | Agribank | |
| 301 | Đặng Thị Điểm | 01/01/1942 | 030142001983 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602540222 | BIDV | Phạm Thị Vinh |
| 302 | Phạm Thị Nữ | 15/3/1945 | 030044001320 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19100719709999 | MB | Nguyễn Văn Đới |
| 303 | Nguyễn Thanh Thuyết | 02/4/1945 | 030045001307 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073404 | Agribank | |
| 304 | Nguyễn Thị Khuyến | 04/4/1945 | 030145001078 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 44110000892946 | BIDV | Phạm Văn Tâm |
| 305 | Nguyễn Thị Nghiệp | 06/08/1944 | 030144006105 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072952 | Agribank | Phạm Văn Bồng |
| 306 | Nguyễn Thị Điềm | 23/7/1944 | 030144000555 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 030056521042 | Sacombank | Nguyễn Văn Đầm |
| 307 | Nguyễn Thị Tính | 10/10/1944 | 030144000665 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8854984696 | BIDV | Nguyễn Thị Tuyết |
| 308 | Nguyễn Thị Cầm | 05/06/1939 | 030139002728 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231080439 | Agribank | |
| 309 | Nguyễn Thị Lan | 01/01/1932 | 030132005316 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9375493637 | VCB | Nguyễn Đắc Hùng |
| 310 | Nguyễn Thị Cho | 01/01/1933 | 030133006969 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215017824 | Agribank | Đặng Thị Vân |
| 311 | Nguyễn Thị Mát | 01/01/1936 | 030136003847 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8505205217084 | Agribank | Nguyễn Thiên Dản |
| 312 | Nguyễn Thị Nên | 01/01/1941 | 030141005315 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215017672 | Agribank | Bùi Thị Xuân |
| 313 | Vũ Thị Điệp | 14/06/1943 | 030143001502 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231080468 | Agribank | |
| 314 | Đăng Văn Thanh | 12/02/1945 | 030045001512 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249007408 | Agribank | |
| 315 | Bùi Thị Trọ | 01/01/1945 | 030145001436 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603223809 | BIDV | Phạm Như Thủy |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 316 | Trần Thị Ốc | 07/02/1945 | 030145001970 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1033670947 | Vietcombank | Đinh Văn Chính |
| 317 | Trần Thị Đạt | 01/01/1933 | 030133005644 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205142002 | Agribank | Đặng Thị Dung |
| 318 | Nguyễn Thị Dỗi | 01/01/1939 | 030139002986 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2300205794308 | Agribank | Nguyễn Thị Chất |
| 319 | Trần Văn Nhạ | 01/01/1940 | 030040001833 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231079396 | Agribank | |
| 320 | Đinh Văn Tụi | 01/04/1939 | 030039000088 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312999948888 | Agribank | Đinh Thị Hương |
| 321 | Trần Văn Hậu | 03/05/1938 | 030038000079 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231078131 | Agribank | |
| 322 | Trần Thị Xuân | 04/04/1935 | 030135000108 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 22210005261456 | BIDV | Nguyễn Thị Tỉnh |
| 323 | Đinh Thị Hằng | 08/10/1932 | 030132006250 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602801646 | BIDV | Đinh Thị Hường |
| 324 | Nguyễn Văn Tuân | 10/05/1933 | 030033000033 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231078291 | Agribank | |
| 325 | Nguyễn Văn Trọng | 11/04/1932 | 030032000133 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0141000849090 | VCB | Nguyễn Đức Nhu |
| 326 | Trần Thị Ao | 17/06/1940 | 030141004956 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0343807421 | MB | Nguyễn Thị Chanh |
| 327 | Nguyễn Duy Cận | 19/05/1936 | 030036005794 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205123486 | Agribank | Nguyễn Văn Bang |
| 328 | Trần Thị Tẹo | 01/01/1931 | 030131000484 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8090205234804 | Agribank | Đinh Văn Khoa |
| 329 | Trần Thị Nhẵng | 01/01/1933 | 030133003538 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 108879128175 | VietinBank | Nguyễn Văn Luyên |
| 330 | Bùi Văn Nhữ | 01/01/1937 | 030037003257 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0343807421 | MB | Nguyễn Thị Chanh |
| 331 | Trần Thị Nhản | 01/01/1938 | 030138007617 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006903860 | VCB | Nguyễn thị Quảng |
| 332 | Trần Thị Coóng | 21/07/1940 | 030140007216 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603096791 | BIDV | Nguyễn Văn Khánh |
| 333 | Đinh Thị Vàng | 27/05/1935 | 030135004983 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0141000849090 | VCB | Nguyễn Đức Nhu |
| 334 | Đinh Thị Tuận | 01/01/1942 | 030142000144 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014855604 | MSB | Bùi Thị Thu |
| 335 | Trần Thị Cườm | 01/01/1942 | 030142001901 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229259425242 | MB | Đinh Văn Sỹ |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 336 | Nguyễn Thị Vinh | 15/02/1942 | 030142007395 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205123486 | Agribank | Nguyễn Văn Bang |
| 337 | Trần Văn Vịnh | 09/3/1943 | 030043001208 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1033670947 | VCB | Đinh Văn Chính |
| 338 | Trần Văn Được | 19/05/1943 | 030043000689 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231079321 | Agribank | |
| 339 | Đặng Xuân Thủy | 02/09/1943 | 030043002547 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205142002 | Agribank | Đặng Thị Dung |
| 340 | Đặng Thị Lân | 01/01/1944 | 030144001430 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007093047 | VCB | Nguyễn Thị Hương |
| 341 | Đặng Thị Phín | 15/7/1944 | 030144004914 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 100870705840 | Vietinbank | Nguyễn Thị Hiền |
| 342 | Trần Thị Cho | 24/06/1944 | 030144000086 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0346987460 | BIDV | Trần Thị Mải |
| 343 | Bùi Thị Lập | 01/01/1945 | 030145001259 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006905326 | Vietcombank | Nguyễn Thị Phượng |
| 344 | Bùi Viết Hâm | 10/06/1932 | 030032003888 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231080090 | Agribank | Đặng Xuân Đơ |
| 345 | Nguyễn Thị Kẻo | 01/01/1933 | 030133005498 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231080090 | Agribank | Đặng Xuân Đơ |
| 346 | Đặng Thị Nhỉnh | 01/01/1938 | 030138008063 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1026270054 | VCB | Nguyễn Thế Bẩy |
| 347 | Nguyễn Văn Xạc | 01/01/1939 | 030039003229 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1026270054 | VCB | Nguyễn Thế Bẩy |
| 348 | Phùng Thị Nhung | 01/01/1920 | 030120000024 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205197532 | Agribank | Trần Văn Tâm |
| 349 | Phạm Thị Lược | 01/01/1937 | 030137000607 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082536 | Agribank | Phạm Huy Thuận |
| 350 | Phạm Văn Liệt | 01/03/1927 | 030027000086 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920236937190 6 | MB | Phùng Thị Huyền |
| 351 | Nguyễn Ngọc Ngoạn | 03/02/1940 | 030040000908 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006903785 | VCB | Nguyễn Thị Hằng |
| 352 | Trương Thị Tím | 07/06/1930 | 030130000337 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082247 | Agribank | Nguyễn Văn Thắp |
| 353 | Phạm Thị Lan | 10/02/1938 | 030138001583 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920653723688 3 | MB | Nguyễn Thị Thủy |
| 354 | Phạm Thị Tạm | 12/11/1940 | 030140001864 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082411 | Agribank | |
| 355 | Nguyễn Thị Nhàn | 13/05/1929 | 030129000153 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105873207247 | Vietinbank | Trần Văn Quang |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 356 | Nguyễn Thị Miện | 15/03/1940 | 030140001884 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105003359530 | Vietinbank | Phạm Văn Sáng |
| 357 | Phạm Thị Vò | 15/10/1938 | 030138006989 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 101868298555 | Vietinbank | Nguyễn Quang Anh |
| 358 | Nguyễn Thị Ấn | 19/05/1932 | 030132000757 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312362896668 | Agribank | Phạm Thị Cư |
| 359 | Phùng Thị Bé | 01/01/1942 | 030142004129 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205268779 | Agribank | Nguyễn Văn Thuận |
| 360 | Nguyễn Thị Tư | 01/01/1934 | 030134000395 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205069105 | Agribank | Phạm Đức Bẩy |
| 361 | Nguyễn Thị Chầm | 01/01/1945 | 030145006976 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8844228498 | BIDV | Phạm Văn Thẻ |
| 362 | Nguyễn Văn Vườn | 01/01/1931 | 030031000161 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071450 | Agribank | Nguyễn Văn Bằng |
| 363 | Phạm Văn Đĩnh | 01/01/1932 | 030032000254 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070458 | Agribank | |
| 364 | Nguyễn Thị Lê | 01/01/1934 | 030134000411 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229206929210934 | MB | |
| 365 | Phạm Thị Hoa | 01/01/1934 | 030134000428 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9900168983333 | MB | Phùng Quang Thịnh |
| 366 | Phạm Đức Tường | 01/01/1935 | 030035000676 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071342 | Agribank | |
| 367 | Phạm Thị Huyền | 01/01/1939 | 030139000690 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920562579739 2 | MB | Phạm Thị Gái |
| 368 | Nguyễn Văn Sơn | 02/10/1932 | 030032000248 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071480 | Agribank | |
| 369 | Phạm Đức Nghìn | 04/06/1940 | 030040000775 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 108001655451 | Vietinbank | Phạm Thị Tô Hòa |
| 370 | Phạm Xuân Ánh | 05/05/1938 | 030038000477 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071257 | Agribank | |
| 371 | Nguyễn Văn Hiến | 08/04/1940 | 030040000882 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0985289798 | MB | Nguyễn Văn Huy |
| 372 | Nguyễn Văn Hùng | 09/10/1934 | 030034000135 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205278398 | Agribank | Phạm Thị Đến |
| 373 | Nguyễn Thị Thắm | 10/02/1941 | 030141000643 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229245138412 | MB | Phạm Thị Thượng |
| 374 | Trương Thị Đan | 10/06/1936 | 030136006641 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205017600 | Agribank | Phạm Thị Tơ |
| 375 | Phùng Thị Chúng | 13/10/1928 | 030128002946 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071496 | Agribank | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 376 | Phạm Thị Săng | 13/10/1941 | 030141005940 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603986379 | BIDV | Nguyễn Văn Xưa |
| 377 | Nguyễn Thị Mại | 01/01/1931 | 030131002079 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071394 | Agribank | Nguyễn Văn Ao |
| 378 | Phạm Văn Hoài | 01/01/1938 | 030038000998 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071076 | Agribank | |
| 379 | Trương Thị Chuột | 01/01/1942 | 030142001357 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071132 | Agribank | |
| 380 | Nguyễn Thị Mượt | 12/04/1943 | 030143001351 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071190 | Agribank | |
| 381 | Phạm Thị Dồng | 14/01/1945 | 030145000940 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081851 | Agribank | |
| 382 | Dương Thị Y | 01/01/1933 | 030133000404 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081670 | Agribank | |
| 383 | Trần Thị Uyển | 01/01/1934 | 030134003945 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312208005652 | Agribank | Nguyễn Trung Tuyến |
| 384 | Phạm Thị Rạng | 01/01/1939 | 030139000663 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 005642626 | MB | Phùng Văn Chung |
| 385 | Trần Thị Xuân | 01/01/1940 | 030140001134 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071421 | Agribank | |
| 386 | Phạm Thế Kỷ | 01/02/1940 | 030040000992 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081999 | Agribank | |
| 387 | Nguyễn Thị Dân | 01/01/1937 | 030137005240 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082440 | Agribank | Nguyễn Ngọc Thắm |
| 388 | Phạm Văn Khoản | 20/10/1938 | 030038001096 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081976 | Agribank | |
| 389 | Phạm Đình Nhu | 23/10/1938 | 030038002730 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215007111 | Agribank | Phùng Thị Minh Hải |
| 390 | Nguyễn Thị Can | 10/05/1942 | 030142001666 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1036393991 | VCB | Phạm Thị Cúc |
| 391 | Nguyễn Thị Nhạn | 15/10/1942 | 030142001832 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 109868883587 | Vietinbank | Phạm Thị Tươi |
| 392 | Dương Thị Chũn | 01/01/1933 | 030143004663 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06706732491500068 | Oceanbank | Nguyễn Thị Dịu |
| 393 | Nguyễn Văn Tư | 01/01/1909 | 030009000001 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071500 | Agribank | |
| 394 | Nguyễn Ngọc Tháu | 01/10/1933 | 030033000274 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082139 | Agribank | |
| 395 | Phạm Huy Thiều | 20/01/1935 | 030036000461 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081556 | Agribank | Phạm Văn Núi |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 396 | Nguyễn Thị Vang | 20/01/1943 | 030143004499 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341000655233 | Vietcombank | Phạm Thị Dùng |
| 397 | Nguyễn Thị Thích | 01/01/1930 | 030130000292 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920923562438 4 | MB | Nguyễn Văn Khu |
| 398 | Phạm Thị Thiếm | 01/01/1935 | 030135000907 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006906303 | Vietcombank | Phùng Thị Duyến |
| 399 | Phạm Khánh Khuynh | 01/01/1937 | 030037000614 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341000655233 | Vietcombank | Phạm Thị Dùng |
| 400 | Nguyễn Ngọc Giang | 03/01/1939 | 030039005294 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081244 | Agribank | |
| 401 | Phạm Thị Đáng | 03/06/1936 | 030136000556 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081419 | Agribank | |
| 402 | Nguyễn Thị Huân | 04/12/1937 | 030137004964 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19034145751023 | Techcombank | Phạm Thị Thu Thuỷ |
| 403 | Phạm Thị Thuận | 08/02/1937 | 030137000606 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070441 | Agribank | |
| 404 | Phạm Thị Dụ | 10/5/1931 | 030131003843 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231132693 | Agribank | Phạm Thị Thông |
| 405 | Nguyễn Thị Bít | 14/03/1936 | 030136000657 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081612 | Agribank | Phạm Thị Vân |
| 406 | Phạm Thị Gắn | 15/01/1937 | 030137003904 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081556 | Agribank | Phạm Văn Núi |
| 407 | Phùng Thị Thắng | 19/10/1936 | 030136000524 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 101867322278 | Vietinbank | Nguyễn Thị Kim |
| 408 | Phạm Thị Văn | 01/01/1925 | 030129001574 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1037640269 | VCB | Nguyễn Tiến Cương |
| 409 | Nguyễn Ngọc Truyền | 20/08/1936 | 030036000461 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070441 | Agribank | Phạm Thị Thuận |
| 410 | Nguyễn Thị Tuyết | 20/08/1940 | 30140001571 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920496002835 6 | MB | Nguyễn Văn Thư |
| 411 | Nguyễn Thị Tàm | 24/10/1943 | 030143001312 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081296 | Agribank | |
| 412 | Nguyễn Thị In | 01/01/1923 | 030123002014 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205288117 | Agribank | Đàm Huy Ưu |
| 413 | Nguyễn Thị Nghi | 01/01/1925 | 030125003005 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070747 | Agribank | |
| 414 | Nguyễn Trọng Kiểm | 02/09/1938 | 030038003075 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071569 | Agribank | |
| 415 | Nguyễn Thị Liên | 03/5/1940 | 030140000121 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071619 | Agribank | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 416 | Nguyễn Thị Chiên | 10/08/1938 | 030138001535 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071602 | Agribank | |
| 417 | Nguyễn Thị Bình | 10/12/1940 | 030140002127 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071575 | Agribank | |
| 418 | Nguyễn Thị Sơn | 14/04/1931 | 030131001704 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071047 | Agribank | |
| 419 | Nguyễn Thị Tươi | 19/5/1940 | 030140000110 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 107001660978 | Vietinbank | Nguyễn Thị Kim Huế |
| 420 | Nguyễn Thị Lập | 01/01/1916 | 030116001780 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070616 | Agribank | |
| 421 | Đàm Thị Sợi | 01/01/1931 | 030131000239 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071552 | Agribank | |
| 422 | Nguyễn Thị Thái | 10/05/1941 | 030141000148 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229201312870741 | MB | Nguyễn Thị Đoan Trang |
| 423 | Phạm Thị Liễu | 01/01/1932 | 030132004391 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229245138560 | MB | Nguyễn Thị Len |
| 424 | Nguyễn Thị Khoát | 27/10/1935 | 030135007147 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2655555678888 | MB | Nguyễn Thị Loàn |
| 425 | Nguyễn Thị Phê | 01/01/1942 | 030142000761 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 103875674365 | VietinBank | Nguyễn Ngọc Đản |
| 426 | Lê Xuân Nam | 28/3/1945 | 024045000436 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249004229 | Agribank | |
| 427 | Nguyễn Thị Lanh | 01/01/1939 | 030139005560 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071060 | Agribank | |
| 428 | Nguyễn Thị Tảo | 01/06/1940 | 030140001106 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070680 | Agribank | |
| 429 | Nguyễn Thị Đan | 01/01/1929 | 030129003124 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070645 | Agribank | |
| 430 | Trần Thị Dã | 21/06/1940 | 030140000845 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071660 | Agribank | |
| 431 | Nguyễn Thị Ân | 01/01/1931 | 03013100049 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071598 | Agribank | |
| 432 | Nguyễn Đình Rật | 23/02/1936 | 030036000633 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249004191 | Agribank | Nguyễn Đình Khanh |
| 433 | Đặng Anh Tú | 14/11/1936 | 046036000029 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074249 | Agribank | Đặng Văn Tú |
| 434 | Đặng Xuân Nhứ | 20/12/1940 | 030040009627 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0388170935 | Viettinbank | Đặng Thị Tình |
| 435 | Vũ Văn Thức | 01/01/1940 | 030040001161 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007095873 | Vietcombank | Nguyễn Thị Nhiên |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 436 | Nguyễn Thiên Thiềm | 20/10/1933 | 030033000116 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231093692 | Agribank | |
| 437 | Nguyễn Thị Thì | 01/02/1943 | 030143007468 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231080350 | Agribank | |
| 438 | Bùi Ngọc Thống | 25/03/1940 | 030040008271 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014855604 | MSB | Bùi Thị Thu |
| 439 | Bùi Thị Mẹo | 01/01/1933 | 030133004965 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205315148 | Agribank | Nguyễn Khắc Tân |
| 440 | Nguyễn Thiên Phế | 01/01/1933 | 030033005327 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 104871751541 | Vietinbank | Nguyễn Thiện Chung |
| 441 | Đặng Văn Ngọ | 30/12/1942 | 030042000681 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231079498 | Agribank | |
| 442 | Nguyễn Thị Láy | 01/01/1942 | 030142001356 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0977125771 | MB | Trần Công Nhanh |
| 443 | Nguyễn Thị Duyến | 01/01/1923 | 030123000087 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074488 | Agribank | |
| 444 | Hoàng Thị Nhiệt | 01/01/1926 | 030126000077 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075389 | Agribank | |
| 445 | Nguyễn Thị Duyệt | 01/01/1929 | 030129003749 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075212 | Agribank | |
| 446 | Nguyễn Thị Đôi | 01/01/1932 | 030132003947 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075865 | Agribank | |
| 447 | Trần Thị Sen | 01/01/1935 | 030135000799 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073780 | Agribank | |
| 448 | Nguyễn Thị Duyệt | 01/01/1937 | 030137003675 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073801 | Agribank | |
| 449 | Nguyễn Đức Phán | 09/10/1934 | 030034000389 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074000 | Agribank | |
| 450 | Nguyễn Thị Chất | 13/01/1934 | 030134004470 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075308 | Agribank | |
| 451 | Nguyễn Thị Thảo | 01/01/1932 | 030132006479 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074790 | Agribank | |
| 452 | Nguyễn Thị Lữu | 01/01/1932 | 030132000764 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075950 | Agribank | |
| 453 | Nguyễn Thị Châm | 01/01/1938 | 030138006924 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075921 | Agribank | |
| 454 | Nguyễn Thị Thập | 01/01/1938 | 030138009214 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074544 | Agribank | |
| 455 | Nguyễn Thị Trung | 01/01/1938 | 030138001599 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075320 | Agribank | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 456 | Nguyễn Thị Chuyền | 20/05/1938 | 030138006409 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205034100 | Agribank | Nguyễn Đức Nhật |
| 457 | Nguyễn Thị Tám | 01/01/1931 | 030131003576 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074039 | Agribank | |
| 458 | Nguyễn Duy Tỉu | 01/01/1930 | 030030004452 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074993 | Agribank | |
| 459 | Nguyễn Thị Kiên | 01/01/1930 | 030130002547 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074580 | Agribank | |
| 460 | Nguyễn Thị Tánh | 03/02/1942 | 030142006320 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073984 | Agribank | |
| 461 | Nguyễn Thị Định | 15/12/1942 | 030142001346 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073990 | Agribank | |
| 462 | Lê Thị Nguyệt | 01/01/1945 | 038145001910 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205078135 | Agribank | Nguyễn Thị Xoan |
| 463 | Nguyễn Văn Đẳng | 01/01/1945 | 030045001100 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072532 | Agribank | |
| 464 | Nguyễn Thị Thảng | 01/01/1945 | 030145002055 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920555949577 3 | MB | |
| 465 | Nguyễn Ngọc Lân | 13/3/1945 | 030045000480 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0973175228 | Vietinbank | Nguyễn Thị Tươi |
| 466 | Nguyễn Thị Tâm | 27/04/1944 | 030144001234 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006867111 | VCB | Nguyễn Đình Thưởng |
| 467 | Nguyễn Thị Riêm | 01/01/1932 | 030132000758 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072578 | Agribank | Nguyễn Thị Liên |
| 468 | Nguyễn Thị Bảo | 01/01/1932 | 030132000590 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0384282538 | vietinbank | Nguyễn Thị Hảo |
| 469 | Nguyễn Thị Kim | 01/01/1932 | 030132000405 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205041062 | Agribank | Nguyễn Duy Bộ |
| 470 | Vũ Thị Thược | 01/01/1937 | 030137000128 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205072253 | Agribank | Nguyễn Thị Huyền |
| 471 | Nguyễn Thị Đưỡng | 01/01/1938 | 030138005637 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215012741 | Agribank | Nguyễn Thế Vinh |
| 472 | Nguyễn Thị Nhung | 01/01/1940 | 030140001130 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 341006903496 | VCB | Phạm Thị Thuận |
| 473 | Nguyễn Thị Nhân | 03/01/1939 | 030139002755 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215026746 | Agribank | Trần Thị Hà |
| 474 | Nguyễn Đình Gần | 04/05/1932 | 030032003752 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9961209979 | VCB | Nguyễn Thị Ngọc |
| 475 | Nguyễn Đình Tưởng | 05/10/1938 | 030038000958 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072447 | Agribank | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 476 | Dương Đức Quân | 10/10/1938 | 026038000414 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1373866631 | VCB | Dương Đắc Viễn |
| 477 | Lê Quang Vũ | 01/01/1932 | 030032002903 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 103881695173 | Vietinbank | Lê Thị Nguyệt Minh |
| 478 | Nguyễn Thị Mơ | 01/01/1938 | 030138004856 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229206479073542 | MB | Nguyễn Diệu Thúy |
| 479 | Nguyễn Thị Thau | 01/01/1940 | 030140000050 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072401 | Agribank | Lê Tiến Dũng |
| 480 | Nguyễn Thị Thơ | 01/01/1940 | 030140006929 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105001660982 | Vietinbank | Nguyễn Thị Thủy |
| 481 | Nguyễn Thị Hào | 01/01/1941 | 030141002941 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072316 | Agribank | Nguyễn Thị Huệ |
| 482 | Nguyễn Thị Nền | 15/02/1930 | 030130005556 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072368 | Agribank | Lê Quang Luyến |
| 483 | Nguyễn Thị Khấm | 01/01/1930 | 030130003429 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072397 | Agribank | Nguyễn Hải Yến |
| 484 | Nguyễn Xuân Gắn | 05/05/1942 | 030042000701 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681434054 | BIDV | Nguyễn Thị Tuyết |
| 485 | Nguyễn Thị Đầm | 01/01/1943 | 030143000635 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681434054 | BIDV | Nguyễn Thị Tuyết |
| 486 | Nguyễn Văn Ba | 01/01/1931 | 030031000156 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205407781 | Agribank | Nguyễn Thị Ngát |
| 487 | Nguyễn Trọng Chiều | 01/08/1940 | 024040005829 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082201 | Agribank | |
| 488 | Phạm Văn Tám | 01/01/1944 | 030044003226 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229202566964289 | MB | |
| 489 | Trương Thị Loan | 28/5/1922 | 030122002088 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4680033591 | BIDV | Vũ Thị Thu |
| 490 | Phạm Thị Nhung | 01/01/1942 | 030142000923 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4682308912 | BIDV | Nguyễn Văn Tú |
| 491 | Phạm Thị Phố | 24/11/1943 | 030143001050 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229207586183554 | MB | Đỗ Thị Luyên |
| 492 | Vũ Thị Minh Hải | 01/01/1940 | 030140003464 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8895821114 | BIDV | |
| 493 | Phạm Thị Tỉnh | 01/01/1938 | 030013800881 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4604894271 | BIDV | Phạm Văn Hạnh |
| 494 | Phạm Thị Sen | 30/10/1944 | 030144001516 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0983745012 | MB | Nguyễn Văn Kiểm |
| 495 | Nguyễn Thị Xây | 01/01/1932 | 030132004383 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0917942214 | MB | Nguyễn Thị Kim Lý |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 496 | Nguyễn Thị Thực | 19/06/1941 | 030141001371 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058446802 | VCB Digibank | Phạm Quang Hân |
| 497 | Phạm Thị Chiến | 19/06/1936 | 030136005560 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1038472580 | VCB Digibank | Nguyễn Ngọc Kiên |
| 498 | Nguyễn Thị Dương | 01/01/1936 | 030136000967 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 109001660990 | Vietinbank | Nguyễn Thị Hằng |
| 499 | Nguyễn Thị Loan | 20/07/1938 | 030138001231 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075894 | Agribank | |
| 500 | Đăng Văn Khổn | 01/01/1935 | 030035033845 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205268155 | Agribank | Đặng Văn Cương |
| 501 | Nguyễn Thế Đền | 01/01/1938 | 030038000111 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205329477 | Agribank | Nguyễn Thế Vượng |
| 502 | Nguyễn Thị Thoán | 01/01/1938 | 030138000108 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231079610 | Agribank | |
| 503 | Nguyễn Thị Bùn | 01/01/1941 | 030141000331 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 100870705840 | Vietinbank | Nguyễn Thị Hiền |
| 504 | Đặng Thị Dấc | 01/01/1941 | 030141001053 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205269499 | Agribank | Vũ Văn Thịnh |
| 505 | Nguyễn Thị Thêu | 14/04/1933 | 030133000804 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205340020 | Agribank | Nguyễn Thị Xen |
| 506 | Bùi Thị Tâm | 01/01/1937 | 030138001145 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231136195 | Agribank | |
| 507 | Đặng Thị Thuật | 01/01/1943 | 030143001485 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008679 | Agribank | |
| 508 | Nguyễn Thị Tải | 02/06/1943 | 030143008249 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205103160 | Agribank | Đặng Văn Cộng |
| 509 | Nguyễn Thị Lập | 04/05/1944 | 030144004516 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008627 | Agribank | |
| 510 | Nguyễn Thị Liễu | 20/5/1944 | 030144000799 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0365292141 | MB | Nguyễn Trọng Trung |
| 511 | Nguyễn Trọng Nhũ | 12/07/1944 | 030044000302 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231135889 | Agribank | |
| 512 | Trần Văn Vá | 17/04/1930 | 030030000247 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006904601 | Vietcombank | Nguyễn Thị Hạnh |
| 513 | Trần Văn Xuyến | 27/12/1940 | 030040001600 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014978633 | Hàng hải | Trần Văn Khơi |
| 514 | Trần Thị Được | 17/5/1944 | 030144001568 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215017722 | Agribank | Lê Thị Tám |
| 515 | Nguyễn Thị Phin | 01/01/1941 | 030141000086 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231134811 | Agribank | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 516 | Nguyễn Thị Nha | 16/07/1934 | 030134005077 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231136671 | Agribank | |
| 517 | Nguyễn Thị Ẻ | 01/01/1930 | 030130004562 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008640 | Agribank | |
| 518 | Nguyễn Thị Tản | 01/01/1931 | 030131003191 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0967129055 | MB | Vũ Thị Tuyết |
| 519 | Nguyễn Thị Hoan | 01/01/1932 | 030132006949 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231134341 | Agribank | |
| 520 | Nguyễn Thị Ty | 01/01/1933 | 030133005607 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008706 | Agribank | |
| 521 | Bùi Thị Dứa | 01/01/1933 | 030133002811 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231135128 | Agribank | |
| 522 | Nguyễn Thị Ngúng | 01/01/1934 | 030134003237 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231079922 | Agribank | |
| 523 | Nguyễn Thị Viễn | 01/01/1934 | 030134006485 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231079980 | Agribank | |
| 524 | Nguyễn Thị Sò | 01/01/1936 | 030136000066 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231136064 | Agribank | |
| 525 | Nguyễn Thị Dũi | 01/01/1938 | 030138000093 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205424196 | Agribank | Nguyễn Thiên Khải |
| 526 | Nguyễn Thị Đói | 01/01/1938 | 030138005561 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008691 | Agribank | |
| 527 | Nguyễn Thị Phinh | 01/01/1938 | 030138004518 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231134285 | Agribank | |
| 528 | Nguyễn Thị Tuân | 01/01/1940 | 030140000100 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231134329 | Agribank | Bùi Tiến Tâm |
| 529 | Nguyễn Thị Thuể | 21/05/1942 | 030142005151 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231134942 | Agribank | |
| 530 | Nguyễn Thị Quanh | 15/01/1943 | 066143002651 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008685 | Agribank | |
| 531 | Phạm Thị Thay | 10/10/1947 | 030147000884 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231014434 | Agribank | Phạm Văn Tuyển |
| 532 | Phạm Thị Thơm | 01/01/1948 | 030148001557 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231108942 | Agribank | Phạm Xuân Nhện |
| 533 | Trịnh Văn Điềm | 07/3/1948 | 030048001065 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205349938 | Agribank | Trịnh Văn Khiêm |
| 534 | Nguyễn Thị Quấy | 20/4/1950 | 030150003329 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205349938 | Agribank | Trịnh Văn Khiêm |
| 535 | Trần Thị Gấm | 14/12/1948 | 030148007307 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006968633 | Vietcombank | Nguyễn Thị Duyến |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 536 | Phạm Thị Đầm | 01/01/1950 | 030150001632 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0794193639 | OCB | Trương Văn Tân |
| 537 | Nguyễn Thị Sìn | 01/01/1949 | 030149002466 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043324 | Agribank | Phạm Văn Trự |
| 538 | Trương Thị Vở | 21/3/1950 | 030150001618 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681250463 | BIDV | Nguyễn Thị Hà |
| 539 | Phạm Xuân Cước | 01/02/1949 | 030049007748 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231103390 | Agribank | Phạm Xuân Cước |
| 540 | Phạm Thị Lé | 22/4/1948 | 030148009032 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006994678 | Vietcombank | Nguyễn Thị Lương |
| 541 | Nguyễn Thị Chuận | 01/01/1950 | 030150002877 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0977485492 | MB | Trương Văn Thiện |
| 542 | Trương Văn Dẩn | 23/3/1949 | 030049002040 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205234617 | Agribank | Trương Văn Duẩn |
| 543 | Phạm Thị Nhún | 01/11/1948 | 030148010259 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1021338375 | Vietcombank | Phạm Văn Chiến |
| 544 | Nguyễn Thị Ngành | 15/02/1947 | 030147006958 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0931733966 | BIDV | Phạm Văn Sơn |
| 545 | Nguyễn Ngọc Hoàn | 15/5/1950 | 030050002125 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007010875 | Vietcombank | Phạm Văn Hiến |
| 546 | Phạm Xuân Mềm | 01/01/1949 | 030049001595 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043399 | Agribank | Phạm Xuân Mềm |
| 547 | Vũ Văn Ngọ | 10/3/1947 | 030047009780 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205443530 | Agribank | Vũ Văn Thơm |
| 548 | Nguyễn Văn Tháu | 10/10/1948 | 030048000677 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 197989699999 | MB | Nguyễn Văn Khánh |
| 549 | Phạm Thị Núi | 24/03/1947 | 030147008991 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 107872172253 | Vietinbank | Nguyễn Thị Huân |
| 550 | Phạm Thị Nhạn | 01/01/1950 | 030150015089 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920350963010 2 | Mbbank | Trương Đức Hòa |
| 551 | Nguyễn Thị Kháng | 16/4/1948 | 030148005900 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19032193179010 | Techcombank | Phạm Xuân Tiến |
| 552 | Phạm Thị Hồng | 02/01/1950 | 030143000984 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0332256152 | MB | Phạm Văn Thuận |
| 553 | Phạm Thị Điệp | 02/07/1945 | 030145008320 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 109871631532 | Vietinbank | Phạm Xuân Quân |
| 554 | Phạm Xuân Doa | 28/08/1945 | 030045005891 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19032193179010 | Techcombank | Phạm Xuân Tiến |
| 555 | Phạm Thị Tưởng | 09/7/1948 | 030148010485 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 107873703196 | Vietinbank | Nguyễn Thị Dung |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 556 | Nguyễn Văn Nẹt | 19/12/1948 | 030048006454 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043353 | Agribank | Nguyễn Văn Nẹt |
| 557 | Phạm Thị Đỏ | 05/10/1948 | 030148009185 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 104872947930 | Vietinbank | Phan Văn Đào |
| 558 | Phan Văn An | 05/05/1947 | 030047001495 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 104872947930 | Vietinbank | Phan Văn Đào |
| 559 | Trần Thị Kỳ | 01/01/1946 | 030146009346 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205064725 | Agribank | Phan Thị Chuyên |
| 560 | Phan Huy Tá | 05/10/1945 | 030045004354 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205064725 | Agribank | Phan Thị Chuyên |
| 561 | Phạm Thị Lít | 01/01/1948 | 030148009393 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0342025129 | MB | Phan Ngọc Điệp |
| 562 | Phạm Văn Du | 15/05/1947 | 030047001256 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007223183 | Vietcombank | Phạm Thị Sáu |
| 563 | Phạm Thị Đố | 20/07/1947 | 030147001275 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007223183 | Vietcombank | Phạm Thị Sáu |
| 564 | Phạm Văn Mấn | 01/01/1947 | 030047001493 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205365566 | Agribank | Phùng Thị Thắm |
| 565 | Đoàn Thị Hữu | 01/01/1948 | 030148002560 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205365566 | Agribank | Phùng Thị Thắm |
| 566 | Phạm Thị Nhất | 12/8/1949 | 030149001007 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 700014191292 | Shinhan bank | Vũ Quốc Hùng |
| 567 | Phạm Thị Xim | 15/5/1950 | 030150011047 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231130630 | Agribank | Nguyễn Công Hiệt |
| 568 | Nguyễn Công Hiệt | 16/06/1947 | 030047002545 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231130630 | Agribank | Nguyễn Công Hiệt |
| 569 | Nguyễn Thị Tho | 01/01/1950 | 030150001242 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 104878974767 | Vietinbank | Nguyễn Thế Tấn |
| 570 | Nguyễn Thị Kéo | 02/05/1947 | 030147000893 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46010003625609 | BIDV | Trần Trung Kiên |
| 571 | Phạm Văn Tiếp | 14/09/1946 | 030046005762 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0868462228 | MB | Phạm Văn Tạo |
| 572 | Hoàng Thị Sen | 01/01/1948 | 030148011387 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603146289 | BIDV | Phạm Thị Lý |
| 573 | Nguyễn Thị Nhịn | 18/04/1949 | 030149006160 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205301607 | Agribank | Nguyễn Thị nhịn |
| 574 | Nguyễn Thị Hạnh | 19/5/1947 | 030147000098 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205167423 | Agribank | Phan Văn Bắc |
| 575 | Phạm Thị Sinh | 20/10/1947 | 030147001987 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681853950 | BIDV | Phạm Thị Lúa |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 576 | Nguyễn Thị Mạ | 01/01/1949 | 030149002169 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4410022479 | BIDV | Phạm Văn Khoa |
| 577 | Nguyễn Thị Dịu | 10/09/1949 | 030149000571 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1021420509 | Vietcombank | Nguyễn Thị Huế |
| 578 | Phạm Thị Uân | 01/01/1946 | 030146006404 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4410022479 | BIDV | Phạm Văn Khoa |
| 579 | Vũ Thị Xô | 01/01/1946 | 030146001007 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 31975797 | ACB | Phạm Văn Sứng |
| 580 | Phạm Thanh Tùng | 01/01/1950 | 030050002773 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0363275536 | MB | Phạm Thị Hường |
| 581 | Vũ Mạnh Điền | 18/5/1950 | 030050000108 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043869 | Agribank | Vũ Mạnh Điền |
| 582 | Phạm Văn Bóng | 01/7/1950 | 030050001975 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0011003734229 | Vietcombank | Lê Thị Hoài |
| 583 | Nguyễn Thị Diều | 25/7/1948 | 030148003342 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602846045 | BIDV | Nguyễn Thị Thủy |
| 584 | Phạm Hữu Tứ | 25/8/1949 | 030049000678 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231017150 | Agribank | Phạm Hữu Tứ |
| 585 | Nguyễn Văn Thủy | 04/6/1950 | 030050008895 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007217169 | Vietcombank | Nguyễn Thị Thuận |
| 586 | Phạm Thị Bé | 15/5/1948 | 030148001179 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 010884385 | Quốc tế | Vũ Thị Thanh Hường |
| 587 | Phạm Văn Miết | 09/8/1949 | 030049007746 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0944113866 | VPBank | Phạm Văn Huấn |
| 588 | Nguyễn Thị Cẩm | 14/7/1948 | 030148004032 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1398460731 | Vietcombank | Phạm Thị Hương Giang |
| 589 | Mai Thị Tuyết | 01/01/1948 | 034148001791 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215008557 | Agribank | Phạm Thị Hằng |
| 590 | Phạm Thị Gắn | 05/9/1949 | 030149001710 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072079 | Agribank | Trần Anh Lựu |
| 591 | Hoàng Thị Tính | 01/10/1949 | 030149009582 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231000820 | Agribank | Hoàng Thị Tính |
| 592 | Vũ Thị Vi | 01/01/1949 | 030149000490 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215027959 | Agribank | Bùi Thị Mai |
| 593 | Nguyễn Văn Nhu | 27/9/1949 | 030049000511 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082043 | Agribank | Nguyễn Văn Nhu |
| 594 | Nguyễn Thị Thủy | 05/02/1947 | 035147003355 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014938468 | MSB | Nguyễn Thị Hà |
| 595 | Nguyễn Ngọc Lâm | 15/8/1947 | 030047008125 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070760 | Agribank | Nguyễn Ngọc Lâm |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 596 | Nguyễn Thị Tiến | 20/01/1947 | 030147000165 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205383102 | Agribank | Nguyễn Thị Anh |
| 597 | Nguyễn Thị Tuyết | 02/9/1948 | 030148012221 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007000607 | Vietcombank | Phạm Thị Thòa |
| 598 | Trần Thị Gái | 17/11/1948 | 030148009205 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205274040 | Agribank | Nguyễn Thị Giang |
| 599 | Bùi Văn Lưỡng | 07/7/1950 | 030050001785 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007008236 | Vietcombank | Bùi Hải Thông |
| 600 | Nguyễn Thị Tình | 14/8/1946 | 030146000080 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205025139 | Agribank | Phạm Thị Thanh |
| 601 | Trần Văn Xuê | 01/02/1947 | 030047002532 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071829 | Agribank | Trần Văn Xuê |
| 602 | Nguyễn Văn Quân | 29/3/1949 | 030049005747 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1040687205 | Vietcombank | Nguyễn Văn Thanh |
| 603 | Nguyễn Ngọc Lúa | 02/3/1949 | 030049000156 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231086674 | Agribank | Nguyễn Ngọc Lúa |
| 604 | Nguyễn Thị Lấn | 12/01/1947 | 030147009193 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 198345678910 | MB | Nguyễn Trung Khánh |
| 605 | Nguyễn Thị Thường | 15/01/1950 | 030150008907 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229265877840 | MB | Nguyễn Thành Đồng |
| 606 | Nguyễn Đình Tảo | 20/5/1950 | 030050001086 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231087914 | Agribank | Nguyễn Đình Tảo |
| 607 | Trương Văn Phang | 01/01/1950 | 030050002422 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681874438 | BIDV | Trương Văn Phức |
| 608 | Nguyễn Thị Loe | 05/7/1948 | 030148001232 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1027673370 | Vietcombank | Nguyễn Thị Hồng |
| 609 | Phạm Thị Thu | 01/01/1948 | 030148001744 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1042869237 | Vietcombank | Phạm Thị Hà |
| 610 | Bùi Thị Chức | 14/02/1948 | 030148000704 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0334901975 | Vietinbank | Phạm Quang Năm |
| 611 | Vũ Thị Tuyết | 01/01/1948 | 03014801250 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205362023 | Agribank | Nguyễn Văn Hậu |
| 612 | Phạm Văn Thuấn | 13/09/1949 | 030049000384 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920295196368<br>0 | MB | Phạm Văn Thuần |
| 613 | Nguyễn Thị Tám | 08/04/1949 | 030149004182 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06778604300068 | MBV | Phạm Thị Thủy |
| 614 | Phạm Thị Chấm | 01/01/1948 | 030148000413 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0985961113 | BIDV | Hoàng Văn Quyền |
| 615 | Hoàng Văn Quyện | 12/01/1949 | 030049002635 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0985961113 | BIDV | Hoàng Văn Quyền |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 616 | Nguyễn Thị Ngượi | 01/01/1950 | 030150010348 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073587 | Agribank | Nguyễn Văn Mã |
| 617 | Nguyễn Đại Thắng | 08/01/1950 | 030050002883 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007144979 | Vietcombank | Nguyễn Văn Hoàn |
| 618 | Nguyễn Đức Khâm | 25/05/1950 | 030050000419 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205144673 | Agribank | Ngô Thị Nhẹ |
| 619 | Phạm Văn Tuấn | 17/06/1947 | 030047001815 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 109881763957 | Vietinbank | Phạm Văn Quang |
| 620 | Phạm Thị Lánh | 01/01/1950 | 030150003658 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 109881763957 | Vietinbank | Phạm Văn Quang |
| 621 | Nguyễn Thị Chiến | 04/5/1950 | 030150000386 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1019602750 | Vietcombank | Nguyễn Văn Hành |
| 622 | Phạm Thị Huệ | 09/7/1949 | 030149000238 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231076579 | Agribank | Nguyễn Đức Chanh |
| 623 | Nguyễn Văn Cờ | 03/6/1947 | 030047002481 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229265875844 | MB | Nguyễn Văn Cờ |
| 624 | Hà Văn Thái | 07/12/1949 | 030049000145 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073173 | Agribank | Hà Văn Thái |
| 625 | Phan Văn Phức | 03/02/1947 | 030047008979 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205167423 | Agribank | Phan Văn Bắc |
| 626 | Nguyễn Thị Ghi | 01/01/1950 | 030150000474 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231096576 | Agribank | Bùi Văn Cải |
| 627 | Phạm Thị Nhớn | 03/5/1950 | 030150013632 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205380235 | Agribank | Tiêu Thị Thúy Ninh |
| 628 | Nguyên Văn Bền | 01/01/1950 | 030050000221 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073570 | Agribank | Nguyễn Văn Bền |
| 629 | Nguyễn Thị Hữu | 27/12/1948 | 030148011257 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1039872171 | Vietcombank | Nguyễn Thị Hữu |
| 630 | Phạm Thị Thư | 08/3/1950 | 030150000568 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205176112 | Agribank | Hà Thị Thoa |
| 631 | Hà Thị Vân | 03/4/1949 | 030149010881 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058603714 | Vietcombank | Nguyễn Thị Dịu |
| 632 | Nguyễn Thị Hường | 01/01/1948 | 030148000222 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205371053 | Agribank | Phạm Văn Nguyên |
| 633 | Nguyễn Thị Xuyến | 01/01/1949 | 030149000218 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0991000003978 | Vietcombank | Nguyễn Thị Nho |
| 634 | Nguyễn Văn Trùng | 14/4/1950 | 030050000610 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205142104 | Agribank | Nguyễn Văn Trùng |
| 635 | Nguyễn Trung Văn | 06/6/1948 | 030048001445 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8834207857 | BIDV | Nguyễn Trung Lập |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 636 | Nguyễn Thị Liêm | 01/01/1951 | 030151008430 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 2312205306101 | Agribank | Phạm Văn Chinh |
| 637 | Lê Văn Cao | 01/01/1949 | 030049000323 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205176112 | Agribank | Hà Thị Thoa |
| 638 | Phạm Xuân Thi | 11/11/1949 | 030049007527 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014956396 | MSB | Phạm Văn Tình |
| 639 | Nguyễn Thị Gọp | 22/5/1950 | 030150012302 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 195088888888 | MBV | Nguyễn Thị Gọp |
| 640 | Nguyễn Văn Chủ | 20/10/1949 | 030149002935 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043607 | Agribank | Nguyễn Văn Chủ |
| 641 | Nguyễn Thị Tài | 01/01/1950 | 030150007388 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014955559 | MSB | Vũ Thị Lịch |
| 642 | Bùi Thị Lê | 08/4/1946 | 030146000110 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603633435 | BIDV | Phạm Văn Doanh |
| 643 | Vũ Đình Kha | 15/10/1946 | 036046008079 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205307661 | Agribank | Vũ Hải Hà |
| 644 | Phạm Văn Tế | 05/8/1947 | 030047006456 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603030355 | BIDV | Phạm Văn Chản |
| 645 | Vũ Thị Thu Sương | 01/4/1950 | 030150013587 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014956396 | MSB | Phạm Văn Tình |
| 646 | Vũ Xuân Thô | 18/3/1948 | 030048004460 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231009260 | Agribank | Vũ Xuân Thô |
| 647 | Vũ Minh Ngoan | 08/02/1948 | 030048003009 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 198369888888 | MB | Vũ Văn Tuấn |
| 648 | Nguyễn Thị Thuận | 10/5/1950 | 030150003059 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681515524 | BIDV | Nguyễn Văn Hân |
| 649 | Nguyễn Đức Chanh | 01/01/1947 | 030047000162 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231076579 | Agribank | Nguyễn Đức Chanh |
| 650 | Nguyễn Thị Xoan | 28/12/1948 | 030148001266 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 197386888999 | MB | Ngô Đức hiếu |
| 651 | Phạm Thị Thanh Cường | 09/01/1950 | 030150000729 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249001339 | Agribank | Vũ Văn Quý |
| 652 | Nguyễn Văn Lưu | 10/4/1947 | 030047006607 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602534711 | BIDV | Nguyễn Thị Minh |
| 653 | Phạm Thị Nguyệt | 17/02/1950 | 030150012975 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602534711 | BIDV | Nguyễn Thị Minh |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 654 | Phạm Thị Nhiều | 20/6/1949 | 030149002048 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007214235 | Vietcombank | Hoàng Thị Huệ |
| 655 | Nguyễn Thị Lợi | 01/7/1945 | 030145005096 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231127772 | Agribank | Nguyễn Thị Lợi |
| 656 | Nguyễn Thị Kim | 05/5/1950 | 030150005490 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229200261703416 | MB | Nguyễn Doãn Thắng |
| 657 | Phạm Thị Vận | 01/5/1946 | 030146000530 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 22706200599999 | MB | Phạm Hùng Đạo |
| 658 | Phạm Văn Xe | 05/6/1950 | 030050002007 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205352797 | Agribank | Phạm Văn Công |
| 659 | Nguyễn Đình Hoạt | 01/01/1948 | 030048001914 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071523 | Agribank | Nguyễn Đình Hoạt |
| 660 | Đàm Huy Kiệm | 03/02/1950 | 030050004515 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070730 | Agribank | Đàm Huy Kiệm |
| 661 | Phạm Thị Lanh | 22/3/1948 | 030148007497 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0102700476 | Đông Á bank | Nguyễn Thị Thanh Tâm |
| 662 | Vũ Thị Kền | 03/4/1948 | 030148000262 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06716898200691 | Việt Nam Hiện Đại MBV | Đặng Thị Thúy Hòa |
| 663 | Phạm Như Luyn | 10/01/1948 | 030048001687 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 101001757383 | Vietinbank | Phạm Như Hùng |
| 664 | Nguyễn Thị Tịnh | 20/7/1946 | 030146001002 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231070639 | Agribank | Nguyễn Thị Tịnh |
| 665 | Nguyễn Doãn Minh | 12/9/1949 | 030049002973 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071286 | Agribank | Nguyễn Doãn Minh |
| 666 | Đàm Thị Mua | 19/4/1950 | 030150000310 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071286 | Agribank | Nguyễn Doãn Minh |
| 667 | Nguyễn Thị Mùa | 01/01/1948 | 030148010894 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0974460615 | Vietinbank | Nguyễn Thị Tú |
| 668 | Bùi Thị Phục | 02/01/1950 | 030150012658 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1014227526 | Vietcombank | Đặng Thị Ngân |
| 669 | Nguyễn Văn Tưởng | 16/3/1946 | 030046004372 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1014227526 | Vietcombank | Đặng Thị Ngân |
| 670 | Vũ Thị Bình | 23/6/1950 | 030150002730 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1020980067 | Vietcombank | Nguyễn Đăng Long |
| 671 | Nguyễn Thị Lục | 02/3/1948 | 030148003980 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007100158 | Vietcombank | Bùi Thị Thanh Nhung |
| 672 | Vũ Thanh Vân | 16/3/1950 | 030050000885 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1044334179 | Vietcombank | Phạm Thij Tâm |
| 673 | Nguyễn Đăng Miên | 16/9/1947 | 030047000650 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 3120215021575 | Agribank | Nguyễn Xuân Hòa |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 674 | Đàm Hữu Chuộng | 03/7/1949 | 030049007587 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229206476191982 | MB | Đàm Hữu Chuộng |
| 675 | Nguyễn Văn Lịnh | 01/01/1947 | 030047009824 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9355736756 | Vietcombank | Nguyễn Văn Tiệp |
| 676 | Trương Thị Tràn | 10/4/1946 | 030146001955 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9355736756 | Vietcombank | Nguyễn Văn Tiệp |
| 677 | Nguyễn Thị Hương | 01/01/1947 | 030147009818 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2263633333979 | MB | Trần Công Thăng |
| 678 | Trần Ngọc Oanh | 16/9/1947 | 030047009489 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 103001633669 | Vietinbank | Nguyễn Thị Huyền |
| 679 | Nguyễn Đức Tiếu | 01/01/1950 | 030050003591 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231075603 | Agribank | Nguyễn Đức Tiếu |
| 680 | Nguyễn Thế Thỏa | 05/5/1950 | 030050002075 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014705642 | MSB | Phạm Thị Vân |
| 681 | Nguyễn Văn Vàng | 16/01/1950 | 030050003074 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1035192228 | VCB | Bùi Thị Mến |
| 682 | Nguyễn Thị Rõ | 08/12/1946 | 030146001269 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0856959735 | MB | Nguyễn Thị Thủy |
| 683 | Nguyễn Đức Nam | 01/01/1948 | 030048000189 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1017300793 | Vietcombank | Nguyễn Đức Quang |
| 684 | Phạm Thị Khá | 13/4/1950 | 030150002687 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229232823950 | MB | Phạm Thị Ngà |
| 685 | Nguyễn Viết Thiệu | 07/8/1947 | 030047006094 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073961 | Agribank | Nguyễn Viết Thiệu |
| 686 | Nguyễn Thị Hồng Thanh | 20/6/1947 | 030147000182 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0976139738 | MB | Trần Ngọc Thùy |
| 687 | Nguyễn Quang Sự | 13/5/1950 | 030050004520 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073978 | Agribank | Nguyễn Quang Sự |
| 688 | Nguyễn Thị Lưu | 04/5/1950 | 030150000263 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1028563337 | Vietcombank | Nguyễn Anh Lan |
| 689 | Nguyễn Thị Chuyền | 03/8/1953 | 030153004860 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 0981380401 | Vietinbank | Nguyễn Đắc Điển |
| 690 | Phạm Thị Thong | 01/01/1949 | 030149006568 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007000625 | Vietcombank | Phạm Thị Thương |
| 691 | Nguyễn Thị Tin | 01/01/1949 | 030149001390 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105866873839 | Vietinbank | Trần Công Hồng |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 692 | Nguyễn Thị Khương | 17/12/1945 | 030145000063 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006916016 | Vietcombank | Nguyễn Thị Hái |
| 693 | Phạm Thị Nguyệt | 08/8/1945 | 030145003898 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19036677186017 | Techcombank | Nguyễn Văn Quang |
| 694 | Nguyễn Thị Bính | 23/12/1947 | 030147000454 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8833687635 | BIDV | Chu Thị Quyên |
| 695 | Nguyễn Văn Minh | 20/11/1947 | 030047000634 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0983746090 | MB | Nguyễn Văn Thìn |
| 696 | Trần Thị Tấn | 01/5/1950 | 030150005629 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0983746090 | MB | Nguyễn Văn Thìn |
| 697 | Nguyễn Thị Lơ | 20/7/1945 | 030145001874 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8843769035 | BIDV | Phạm Văn Nhiêu |
| 698 | Phạm Huy Nên | 05/5/1950 | 030050002739 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058878049 | Vietcombank | Phạm Huy Nên |
| 699 | Đặng Thị Giản | 01/01/1950 | 030150005493 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231126938 | Agribank | Nguyễn Thiên Thất |
| 700 | Đồng Thị Mể | 01/02/1948 | 030148010693 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231079640 | Agribank | Đặng Xuân Lai |
| 701 | Nguyễn Thiên Lịnh | 05/5/1948 | 030048000174 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920117417360<br>6 | MB | Nguyễn Thiên Lịnh |
| 702 | Nguyễn Thị Dung | 01/10/1947 | 030147001410 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1037432530 | Vietcombank | Phùng Thị Huệ |
| 703 | Phạm Văn Nhắc | 11/12/1948 | 030048002681 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 106572606666 | Vietinbank | Phùng Thị Tuyết Ánh |
| 704 | Nguyễn Văn Khẩn | 10/10/1947 | 030047008470 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082014 | Agribank | Nguyễn Văn Khẩn |
| 705 | Nguyễn Thị Mỳ | 09/9/1946 | 030146002456 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341000635421 | Vietcombank | Nguyễn Thị Vân Anh |
| 706 | Nguyễn Văn Tuyên | 25/7/1949 | 030049009852 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0978271199 | MB | Nguyễn Thị Liễu |
| 707 | Phạm Thị Xuyến | 07/02/1949 | 030149002472 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1369533954 | Vietcombank | Nguyễn Văn Tuynh |
| 708 | Đinh Văn Tung | 16/8/1948 | 030048003012 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131110 | Agribank | Đinh Văn Tung |
| 709 | Trương Công Oánh | 06/3/1949 | 030049001131 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006937631 | Vietcombank | Trương Công Du |
| 710 | Nguyễn Như Tiến | 05/10/1948 | 030048002272 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205017698 | Agribank | Nguyễn Phú Hùng |
| 711 | Nguyễn Thị Hoạch | 01/01/1948 | 030148004100 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9504012006 | Techcombank | Hoàng Văn Hạnh |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 712 | Nguyễn Thị Đào | 26/6/1949 | 030149003506 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9389534197 | Vietcombank | Nguyễn Thế Trí |
| 713 | Nguyễn Thế Phúc | 01/01/1947 | 030047002527 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205143947 | Agribank | Nguyễn Thị Huyền |
| 714 | Phạm Thị Thảo | 12/02/1946 | 030146001981 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205143947 | Agribank | Nguyễn Thị Huyền |
| 715 | Nguyễn Thị Đặt | 23/3/1949 | 030149002531 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 108870791329 | Vietinbank | Nguyễn Anh Tuấn |
| 716 | Trương Thị Lăn | 12/12/1949 | 030149003516 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205165769 | Agribank | Nguyễn Thị Thanh |
| 717 | Phạm Thị Lan | 10/01/1949 | 030149002765 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0984799862 | MB | Trường Văn Tựa |
| 718 | Nguyễn Như Quỳnh | 30/5/1950 | 030050003186 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2826699999 | MB | Nguyễn Đình Tuynh |
| 719 | Lê Văn Hướng | 18/12/1947 | 025447005370 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 747763896710 | LPBank | Nguyễn Thị An |
| 720 | Trần Thị Thanh | 01/7/1944 | 030144000395 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681572565 | BIDV | Nguyễn Anh Tuấn |
| 721 | Nguyễn Thị Hoàn | 01/01/1946 | 030146001762 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 08081988688 | TP Bank | Nguyễn Thế Hùng |
| 722 | Nguyễn Thị Ngà | 10/11/1948 | 030148003761 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9923178555 | Vietcombank | Nguyễn Thiện Hiếu |
| 723 | Vũ Thị Xô | 04/4/1950 | 030150005628 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06748716600789 | MBV Bank | Vũ Thị Xô |
| 724 | Nguyễn Ngọc Tráng | 15/7/1950 | 030050003132 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1984259788 | Vietcombank | Nguyễn Nguyên Sáng |
| 725 | Nguyễn Thị Hiền | 01/01/1950 | 030150002867 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 030090698131 | Sacombank | Bùi Thị Hòa |
| 726 | Đặng Đức Chiến | 02/3/1949 | 030049000195 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231093549 | Agribank | Đặng Đức Chiến |
| 727 | Nguyễn Thị Hoa | 20/9/1945 | 030145000105 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 103875252134 | Vietinbank | Nguyễn thị yến |
| 728 | Bùi Thị Thái | 01/01/1950 | 030150002631 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9962716133 | Vietcombank | Đặng Văn Đại |
| 729 | Nguyễn Thị kế | 22/11/1948 | 030148004098 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229279623644 | MB | Nguyễn Thị Hương Giang |
| 730 | Nguyễn Đình Rỹ | 20/10/1949 | 030049003047 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229279623644 | MB | Nguyễn Thị Hương Giang |
| 731 | Trần Công Hùng | 15/5/1950 | 030050003489 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074459 | Agribank | Trần Công Hùng |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 732 | Nguyễn Thị Hoa | 14/5/1950 | 030150005489 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229205950244 | MB | Nguyễn Tiến Dũng |
| 733 | Nguyễn Văn Ngút | 16/6/1947 | 030047006746 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229205950244 | MB | Nguyễn Tiến Dũng |
| 734 | Nguyễn Thị Huệ | 10/7/1950 | 030150009424 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074459 | Agribank | Trần Công HÙng |
| 735 | Nguyễn Thị Hừu | 25/9/1950 | 030150002329 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương | 700.000 | 06706731145900019 | MBV | Nguyễn Quang Dũng |
| 736 | Phạm Huy Thì | 01/6/1949 | 030049002628 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 104877395186 | Vietinbank | Hoàng Việt Cường |
| 737 | Bùi Viết Việt | 01/3/1949 | 030049000239 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215015677 | Agribank | Bùi Thị Chang |
| 738 | Nguyễn Thị Hùy | 01/01/1948 | 030148000164 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06732510900068 | MBV | Nguyễn Thị Hoan |
| 739 | Nguyễn Doãn Cống | 13/7/1946 | 030046000111 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06732510900068 | MBV | Nguyễn Thị Hoan |
| 740 | Nguyễn Thị Đáng | 29/6/1950 | 030150013834 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0985289798 | MB | Nguyễn Văn Huy |
| 741 | Phạm Xuân Hồng | 01/01/1948 | 030048005404 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 107868627890 | Vietinbank | Phạm Thị Thanh |
| 742 | Nguyễn Thị Quế | 20/9/1949 | 030149000669 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131610 | Agribank | |
| 743 | Phạm Thị Mát | 01/01/1946 | 030146005140 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131206 | Agribank | |
| 744 | Vũ Công Chúc | 12/12/1948 | 030048001680 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231013092 | Agribank | |
| 745 | Trịnh Thị Liệng | 18/3/1949 | 030149005464 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4682166943 | BIDV | Phạm Văn Quang |
| 746 | Phạm Thị Thảo | 01/01/1946 | 030146001051 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131763 | Agribank | |
| 747 | Phạm Xuân Vừa | 01/01/1948 | 030048001352 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231132244 | Agribank | |
| 748 | Nguyễn Thị Phải | 15/10/1947 | 030147001493 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231132244 | Agribank | Phạm Xuân Vừa |
| 749 | Phạm Thị Thảo | 01/01/1947 | 030147009101 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9962025536 | Techcombank | Phạm Thiị Tươi |
| 750 | Phạm Quang Thái | 01/9/1948 | 030048005835 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007171222 | Vietcombank | Phạm Văn Hùng |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 751 | Lý Thị Xiêm | 01/01/1950 | 030150013987 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 3366073106 | Vietcombank | Phạm Thị Vân |
| 752 | Nguyễn Văn Coóng | 10/5/1947 | 030047007990 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9399550380 | Vietcombank | Phạm Xuân Lực |
| 753 | Nguyễn Thị Hằng | 01/01/1950 | 030150011611 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 107867009336 | Vietinbank | Trương Văn Sơn |
| 754 | Phạm Thị Lãnh | 20/4/1954 | 030154014963 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 2312231132070 | Agribank | |
| 755 | Phạm Xuân Tèo | 01/01/1950 | 030050002459 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8843956849 | BIDV | Phạm Xuân Toàn |
| 756 | Nguyễn Thị Phai | 13/4/1950 | 030150001013 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058604640 | Vietcombank | Phạm Thị Tuyết |
| 757 | Trương Văn Vang | 01/01/1949 | 030049001587 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231132215 | Agribank | |
| 758 | Hà Thị Liên | 13/5/1949 | 030149000871 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131871 | Agribank | |
| 759 | Phạm Thị Thà | 01/8/1948 | 030148006897 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131678 | Agribank | |
| 760 | Phạm Văn Thuần | 07/8/1949 | 030049001556 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231013267 | Agribank | |
| 761 | Phạm Thanh Uy | 19/5/1947 | 030047007132 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131740 | Agribank | |
| 762 | Phạm Thị My | 22/5/1948 | 030148000765 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603935380 | BIDV | Trương thị Hường |
| 763 | Phạm Văn Tủ | 04/10/1948 | 030048007416 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008610 | Agribank | |
| 764 | Phạm Thị Phương | 01/10/1949 | 030149009117 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008610 | Agribank | Phạm Văn Tủ |
| 765 | Nguyễn Hữu Thuân | 02/6/1950 | 030050010815 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131104 | Agribank | |
| 766 | Nguyễn Thị Vuông | 19/5/1950 | 030150011085 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8862805639 | BIDV | Phạm Thị Út |
| 767 | Phạm Thị Hiền | 11/3/1950 | 030150001645 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231017449 | Agribank | Phạm Xuân Mẫn |
| 768 | Phạm Văn Khang | 03/8/1947 | 030047001254 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058604640 | Vietcombank | Phạm Thị Tuyết |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 769 | Đoàn Thị Đài | 01/7/1947 | 031147001466 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131140 | Agribank | |
| 770 | Phạm Văn Vượng | 25/3/1950 | 030050006387 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2302328888 | Vietcombank | Phạm Văn Mẫm |
| 771 | Bùi Thị Hiền | 13/6/1950 | 030150001541 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 030082002257 | MBbank | Phạm Xuân Bình |
| 772 | Nguyễn Thị Lan | 12/8/1947 | 030147009776 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131813 | Agribank | |
| 773 | Phạm Thị Đám | 05/01/1948 | 030148008793 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231132005 | Agribank | |
| 774 | Phạm Thị Thông | 29/01/1947 | 030147007906 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1036079196 | Vietcombank | Hà Thị Nhinh |
| 775 | Nguyễn Tiến Dũng | 02/3/1950 | 030050009150 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231132107 | Agribank | |
| 776 | Nguyễn Thị Úc | 18/12/1949 | 030149012110 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1051324989 | Vietcombank | Phạm Thị Thu Thảo |
| 777 | Trần Văn Rực | 01/9/1945 | 030045001898 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131655 | Agribank | |
| 778 | Đặng Công Phượng | 01/01/1950 | 030050002746 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131603 | Agribank | |
| 779 | Phạm Thị Loan | 15/12/1949 | 030149000277 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0376122814 | Vietinbank | Nguyễn Văn Nhất |
| 780 | Phạm Thị Cử | 12/7/1948 | 030148009797 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205341335 | Agribank | Nguyễn Thị Thùy |
| 781 | Phan Văn Tường | 15/6/1950 | 030050001729 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131728 | Agribank | |
| 782 | Nguyễn Thị Thanh | 21/3/1948 | 030148009494 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131684 | Agribank | |
| 783 | Bùi Văn Trị | 15/3/1950 | 030050002098 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131711 | Agribank | |
| 784 | Bùi Xuân Đính | 13/02/1948 | 030048000286 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231132142 | Agribank | |
| 785 | Nguyễn Mạnh Huấn | 01/8/1948 | 030048000740 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131915 | Agribank | |
| 786 | Nguyễn Trọng Bên | 10/02/1946 | 030046001628 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131133 | Agribank | |
| 787 | Đỗ Văn Hòe | 28/02/1949 | 030049000987 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007120567 | Vietcombank | Đỗ Văn vương |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 788 | Vũ Thị Biên | 09/5/1952 | 030152008283 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 0341007120567 | Vietcombank | Đỗ Văn vương |
| 789 | Nguyễn Thị Hội | 16/8/1948 | 030148003281 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231133066 | Agribank | |
| 790 | Nguyễn Thị Hảo | 10/3/1950 | 030150011193 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231133072 | Agribank | |
| 791 | Nguyễn Huy Oai | 01/01/1949 | 030049001570 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131859 | Agribank | |
| 792 | Nguyễn Thị Ngần | 01/01/1950 | 030150002918 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231131859 | Agribank | Nguyễn Huy Oai |
| 793 | Nguyễn Đình Chanh | 01/11/1948 | 030048001158 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249004258 | Agribank | Nguyễn Thị Thoán |
| 794 | Nguyễn Thị Hiền | 04/10/1949 | 030149011359 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 101870900905 | Vietinbank | Nguyễn Trọng Long |
| 795 | Đỗ Thị Miễn | 10/5/1950 | 030150012226 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205320574 | Agribank | Phùng Văn Phước |
| 796 | Nguyễn Văn Đồng | 19/7/1945 | 030045000129 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4603640693 | BIDV | Bùi Thị Tâm |
| 797 | Nguyễn Thị Nhãn | 05/3/1948 | 030148001676 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4605019554 | BIDV | Trần Xuân Vũ |
| 798 | Trần Thị Tấn | 04/01/1948 | 030148006444 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920286341545 6 | MB | Nguyễn Văn Mẫn |
| 799 | Nguyễn Thị Ngăn | 01/01/1950 | 030150002900 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0985107086 | Vietinbank | Nguyễn Văn Khương |
| 800 | Đinh Văn Quý | 10/6/1949 | 030049000321 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006906258 | Vietcombank | Trần Thị Hạnh |
| 801 | Bùi Thị Bọt | 24/5/1949 | 030149000529 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014999188 | MSB | Trần Thị Tản |
| 802 | Trần Văn Chuốt | 18/5/1947 | 030047005896 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1012551377 | Vietcombank | Trần Văn Chinh |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 803 | Bùi Văn Hận | 01/4/1955 | 030055005980 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 1019634237 | Vietcombank | Bùi Văn Hợi |
| 804 | Đinh Thị Hạt | 13/8/1954 | 030154002672 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 1019634237 | Vietcombank | Bùi Văn Hợi |
| 805 | Đinh Thị Gái | 01/01/1946 | 030146000159 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007074006 | Vietcombank | Bùi Văn Khải |
| 806 | Nguyễn Thị Dung | 10/7/1949 | 030149002680 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46810001931379 | BIDV | Phạm Văn Liệu |
| 807 | Vũ Thị Hiệu | 02/6/1950 | 030150014836 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205287511 | Agribank | Trần Đức Quang |
| 808 | Nguyễn Văn Bộ | 08/3/1947 | 030047002761 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231024812 | Agribank | Nguyễn Văn Phượng |
| 809 | Phạm Đức Phan | 19/8//1948 | 030048000087 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082066 | Agribank | Phạm Đức Phan |
| 810 | Nguyễn Thị Ngát | 02/01/1949 | 030149000265 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006904991 | Vietcombank | Nguyễn Văn Lảo |
| 811 | Vũ Thị Nụ | 04/02/1949 | 030149000582 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19034153705014 | Techcombank | Nguyễn Công Trứ |
| 812 | Trần Văn Phương | 04/3/1949 | 030049002934 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229294694927 | MB | Vũ Ngọc Khải |
| 813 | Nguyễn Thị Cúc | 29/6/1947 | 030147000734 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 7450104833005 | MB | Đinh Văn Thọ |
| 814 | Đinh Thị Nhặng | 20/10/1948 | 030148002546 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215031390 | Agribank | Nguyễn Thị Tâm |
| 815 | Nguyễn Văn Nhu | 01/5/1949 | 030049007752 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920706462904<br>5 | MB | Nguyễn Văn Nhu |
| 816 | Nguyễn Doãn Chiều | 20/12/1948 | 030048001871 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072250 | Agribank | Nguyễn Doãn Chiều |
| 817 | Nguyễn Hồng Quang | 10/8/1949 | 030049001710 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231072243 | Agribank | Nguyễn Hồng Quang |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 818 | Nguyễn Ngọc Hưng | 10/10/1949 | 030049000177 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 079377720001 | LPBank | Nguyễn Văn Điệp |
| 819 | Nguyễn Thị Kinh | 01/01/1947 | 030147001529 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 079408570001 | LPBank | Nguyễn Hữu Nghĩa |
| 820 | Nguyễn Thế Đề | 01/01/1948 | 030048008324 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231093844 | Agribank | Nguyễn Thế Đề |
| 821 | Nguyễn Đình Thừa | 12/12/1946 | 030046001937 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312215004562 | Agribank | Nguyễn Văn Trang |
| 822 | Nguyễn Đắc Hanh | 01/01/1948 | 030048000239 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 6607040688461 | PG bank | Nguyễn Thị Hiền |
| 823 | Lương Xuân Chư | 01/3/1950 | 030050003141 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231135288 | Agribank | Lương Xuân Chư |
| 824 | Nguyễn Gia Thiều | 23/4/1948 | 030048000425 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071943 | Agribank | Nguyễn Gia Thiều |
| 825 | Nguyễn Thị Ánh | 01/01/1950 | 030150000248 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8843642010 | BIDV | Nguyễn Trung Sơn |
| 826 | Đặng Thị Len | 06/02/1950 | 030150005551 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06733080200039 | MBV | Nguyễn Thanh Bình |
| 827 | Trần Thị Kim | 01/01/1950 | 030150003041 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 079377720001 | LPBank | Nguyễn Văn Điệp |
| 828 | Đinh Thị Dong | 07/3/1947 | 030147002930 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006962627 | Vietcombank | Trần Thị Mai |
| 829 | Phạm Thị Phòng | 05/10/1948 | 030148000344 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4602474279 | BIDV | Phạm Thị Liên |
| 830 | Nguyễn Thị Nơ | 03/01/1950 | 030150003284 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1035919947 | Vietcombank | Nguyễn Văn Lời |
| 831 | Đặng Văn Tuấn | 08/12/1954 | 030054000574 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 2312231128434 | Agribank | Đặng Văn Tuấn |
| 832 | Trần Thị Tứ | 01/01/1948 | 030148002777 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105871928698 | Vietinbank | Trần Văn Thùy |
| 833 | Trần Văn Thi | 01/01/1946 | 030046001938 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105871928698 | Vietinbank | Trần Văn Thùy |
| 834 | Phạm Thị Chiều | 01/01/1954 | 030154003397 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương | 700.000 | 0341006809737 | Vietcombank | Phạm Thị Văn |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 835 | Trần Thị Toàn | 20/10/1946 | 030146000765 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0982407971 | Vietinbank | Nguyễn Thị Luyến |
| 836 | Nguyễn Ngọc Sáng | 03/12/1947 | 030047002760 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920704715044 0 | MB | Nguyễn Ngọc Sáng |
| 837 | Nguyễn Văn Khoa | 01/6/1946 | 030046001141 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071292 | Agribank | Nguyễn Văn Khoa |
| 838 | Phạm Thị Luyên | 08/6/1946 | 030146007186 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105005820930 | Vietinbank | Lê Thị Hà Chi |
| 839 | Phùng Thị Thắm | 11/12/1949 | 030149002109 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 106572606666 | Vietinbank | Phùng Thị Tuyết Ánh |
| 840 | Phạm Thị Xe | 19/5/1954 | 030154014120 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 970422920983257344 8 | MB | Nguyễn Thị Như |
| 841 | Nguyễn Văn Hoàng | 01/01/1948 | 080048003570 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231017534 | Agribank | Nguyễn Thị Chiêm |
| 842 | Phạm Thành Nhân | 19/5/1949 | 030049001126 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0388904556 | MB | Phạm Thành Đồng |
| 843 | Đặng Thị Nghĩa | 24/12/1947 | 030147001774 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1038230244 | Vietcombank | Đặng Thị Nghĩa |
| 844 | Dịp Xay Vồ | 20/3/1947 | 022047000906 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 7702233113 | Vietcombank | Nguyễn Văn Minh |
| 845 | Phạm Thị Hứa | 01/01/1952 | 030152004861 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 0341007070567 | Vietcombank | Bùi Thị Tâm |
| 846 | Nguyễn Thị Quyến | 01/01/1948 | 030148007440 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058446218 | VCB | Vũ Thị Thanh |
| 847 | Phạm Hữu Đường | 15/6/1950 | 030050004055 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006906387 | Vietcombank | Nguyễn Thị Toan |
| 848 | Nguyễn Thị Hành | 01/01/1948 | 030148009176 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205379525 | Agribank | Nguyễn Văn Thắng |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 849 | Nguyễn Thị Doán | 10/3/1949 | 030149003966 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006904639 | Vietcombank | Đồng Thị Chanh |
| 850 | Nguyễn Thị Hòa | 01/01/1947 | 030147005466 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4601151658 | BIDV | Đoàn Thị Ngoan |
| 851 | Phạm Thị Tèo | 01/01/1951 | 030151001701 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 2312205349140 | Agribank | Phạm Văn Tấn |
| 852 | Phạm Văn Bột | 15/8/1949 | 030049006734 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9329093774 | Vietcombank | Phạm Thị Thu |
| 853 | Nguyễn Thị Lưỡng | 28/7/1950 | 030150000307 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 80932688 | MB | Nguyễn Trung Hiếu |
| 854 | Doãn Tiến Dũng | 27/7/1950 | 030050003584 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231027681 | Agribank | Doãn Tiến Dũng |
| 855 | Phạm Thị Chiều | 27/7/1950 | 030150000246 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007218570 | Vietcombank | Nguyễn Đức Hải |
| 856 | Nguyễn Văn Nhan | 15/10/1946 | 030046004515 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920325434858 7 | MB | Nguyễn Thị Thắm |
| 857 | Nguyễn Trọng Kim | 10/10/1948 | 030048000691 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231079691 | Agribank | Nguyễn Trọng Kim |
| 858 | Phạm Hoài Bắc | 29/7/1950 | 030050001039 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043852 | Agribank | Đỗ Thị Đưng |
| 859 | Phạm Thị Chen | 11/4/1947 | 030147008452 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007076070 | Vietcombank | Phạm Thị Huyền |
| 860 | Nguyễn Đình Lĩnh | 02/6/1945 | 030045001140 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231130862 | Agribank | |
| 861 | Phạm Thị Hiền | 30/5/1945 | 030145001969 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 19036592610014 | Techcombank | Nguyễn Ngọc Cường |
| 862 | Nguyễn Thị Phương | 01/01/1950 | 030150002706 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006820247 | VCB Digibank | Nguyễn Thị Nga |
| 863 | Nguyễn Thị Thồ | 10/05/1950 | 030150010983 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231013086 | Agribank | Phạm Văn Cường |
| 864 | Nguyễn Thế Khe | 08/02/1947 | 030047000712 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231080728 | Agribank | Nguyễn Thế Thích |
| 865 | Phạm Văn Lịnh | 06/06/1948 | 030048001616 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006906242 | Vietcombank | Phạm Thị Duyến |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 866 | Vũ Xuân Trân | 05/8/1950 | 030050002379 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231043800 | Agribank | Vũ Xuân Trân |
| 867 | Phạm Văn Hằng | 06/7/1945 | 030045003729 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007023804 | Vietcombank | Lương Thị Lành |
| 868 | Phạm Thị Tía | 19/9/1948 | 030148001948 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341007023804 | Vietcombank | Lương Thị Lành |
| 869 | Vũ Đình Cọ | 01/5/1950 | 030050002420 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231013238 | Agribank | Vũ Đình Cọ |
| 870 | Phạm Văn Lệnh | 11/6/1945 | 030045003944 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231024076 | Agribank | Phạm Văn Quý |
| 871 | Nguyễn Thị Hảo | 01/01/1949 | 030149005394 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205215425 | Agribank | Phạm Văn Tuấn |
| 872 | Phạm Văn Thơm | 20/4/1946 | 030046000122 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006905574 | Vietcombank | Bùi Thị Toan |
| 873 | Nguyễn Thị Chiền | 01/01/1950 | 030150009099 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46810001805261 | BIDV | Vũ Văn Thưng |
| 874 | Phạm Thị Lái | 21/12/1947 | 030147004788 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231103427 | Agribank | Vũ Văn Dung |
| 875 | Trần Bá Vịnh | 10/10/1947 | 030047007456 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006978136 | Vietcombank | Nguyễn Thị Hương |
| 876 | Phan Đức Thảo | 18/8/1950 | 030050008320 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 08130301112008 | MB | Phan Tiến Đạt |
| 877 | Nguyễn Văn Thì | 15/8/1950 | 030050008904 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006994678 | Vietcombank | Nguyễn Thị Lương |
| 878 | Nguyễn Minh Hải | 02/6/1945 | 030045001113 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0338794304 | MB | Vũ Thị Hậu |
| 879 | Nguyễn Doãn Thắng | 10/6/1945 | 030045002011 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229200261703416 | MB | |
| 880 | Nguyễn Danh Bắc | 23/4/1945 | 030045006692 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249009093 | Agribank | Nguyễn Danh Bắc |
| 881 | Phạm Văn Bội | 27/7/1950 | 030050004566 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4681366795 | BIDV | Phạm Văn Lừng |
| 882 | Nguyễn Công Nhậm | 07/8/1945 | 030045003345 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 46810001427841 | BIDV | Nguyễn Thị Kim Oanh |
| 883 | Phạm Thị Ga | 07/7/1949 | 030149012010 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229234428311 | MB | Phạm Thị Vân |
| 884 | Phạm Văn Xê | 04/6/1945 | 030045006004 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205218084 | Agribank | Phạm Quang Nguyên |
| 885 | Nguyễn Doãn Hạng | 18/8/1950 | 030050000795 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8855649248 | BIDV | Nguyễn Trung Đức |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 886 | Nguyễn Thị Lới | 05/02/1954 | 030154009695 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 2312231043557 | Agribank | |
| 887 | Đăng Thị Hằng | 01/01/1948 | 030148000908 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 108869828588 | Vietinbank | Nguyễn Thị Hường |
| 888 | Phùng Thị Lan | 01/01/1955 | 030155003211 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng. | 700.000 | 0341006817046 | Vietcombank | Trần Thị Mây |
| 889 | Vũ Ngọc Thoảng | 02/10/1950 | 030050002942 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0398135928 | Vietinbank | Vũ Thị Sáu |
| 890 | Phạm Văn Bình | 08/10/1950 | 030050002365 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 20001014958877 | MSB | Phạm Thị Bông |
| 891 | Phạm Văn Bé | 05/10/1950 | 030050003862 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 102006410863 | Vietinbank | Trương Thị Hồng Non |
| 892 | Phạm Văn Đỉnh | 01/9/1950 | 030050002310 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231137231 | Agribank | Phạm Văn Đỉnh |
| 893 | Phạm Thị Lõn | 04/9/1950 | 030150015154 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205194688 | Agribank | Phạm Thị Lành |
| 894 | Trương Thị Diệp | 01/9/1950 | 030150001373 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1036686746 | Vietcombank | Phạm Thị Cúc |
| 895 | Phạm Thị Huận | 01/01/1946 | 030146007780 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0491000069712 | Vietcombank | Phạm Thị Loan |
| 896 | Nguyễn Thế Vết | 10/01/1946 | 030046001837 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9389534197 | Vietcombank | Nguyễn Thế Trí |
| 897 | Vũ Đức Thịnh | 11/9/1950 | 030050010170 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231074051 | Agribank | Vũ Đức Thịnh |
| 898 | Phạm Văn Nhớn | 03/11/1948 | 030048000329 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0401000036633 | Vietcombank | Hoàng Thị Nhung |
| 899 | Nguyễn Hữu Cheng | 16/09/1950 | 030050000447 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 06726043300037 | MBV | Nguyễn Hữu Cheng |
| 900 | Nguyễn Thị Mướt | 05/4/1947 | 030147007530 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231134335 | Agribank | Nguyễn Thị Mướt |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 901 | Phạm Thị Sâm | 10/10/1950 | 030150000453 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 107881476398 | Vietinbank | Phạm Hữu Hùng |
| 902 | Trần Thị Khoải | 10/10/1950 | 030150002810 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229244814062 | MB | Nguyễn Thị Mai |
| 903 | Đặng Văn Thoa | 18/10/1950 | 030050001929 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231086986 | Agribank | Đặng Văn Thoa |
| 904 | Phạm Văn Ngợi | 01/01/1950 | 030050003978 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9704229345010313 | MB | Phạm Văn Ngợi |
| 905 | Đinh Công Vượng | 10/10/1950 | 030050007227 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 108001287871 | Viettinbank | Đinh Công Nho |
| 906 | Đặng Mộng Cớ | 10/10/1950 | 030050004325 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312208007113 | Agribank | Đặng Mộng Cớ |
| 907 | Nguyễn Thị Hải | 09/10/1950 | 030150000774 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 45501410980000 | MB bank | Nguyễn Đình Lực |
| 908 | Phạm Thị Tuyên | 20/10/1950 | 044150000555 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0971928766 | BIDV | Vũ Xuân Giang |
| 909 | Phạm Thị Xây | 24/10/1950 | 030150004279 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082043 | Agribank | Nguyễn Văn Nhu |
| 910 | Nguyễn Thị Quang | 25/10/1950 | 030150000245 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 090966593518 | MB | Phạm Thị Thanh Lý |
| 911 | Bùi Thị Hoạch | 25/10/1950 | 030150001458 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071864 | Agribank | Trần Duy Linh |
| 912 | Trần Thị Hợp | 01/4/1947 | 030147005564 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 030040201404 | Sacombank | Trần Thị Ngân Hà |
| 913 | Nguyễn Thị Lưu | 28/10/1950 | 030150000475 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231132142 | Agribank | Bùi Xuân Đính |
| 914 | Hồ Thị Tình | 27/10/1950 | 030150008354 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1060227749 | Vietcombank | Nguyễn Thị Đạm |
| 915 | Phan Thị Chè | 10/4/1955 | 30155010148 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 6805041990 | Techcombank | Phan Văn Thuy |
| 916 | Nguyễn Thị Ly | 10/10/1950 | 030150008271 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0401000036633 | Vietcombank | Hoàng Thị Nhung |
| 917 | Phạm Thị Hằng | 20/11/1950 | 030150001915 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1050009034 | Vietcombank | Nguyễn Văn Thiện |
| 918 | Phạm Thị Thoi | 29/11/1950 | 030150008605 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249008916 | Agribank | |
| 919 | Nguyễn Huy Diệu | 11/12/1950 | 030050004518 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8807293809 | BIDV | |
| 920 | Phạm Thị Nhường | 10/12/1950 | 30150002281 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 101878312308 | Vietinbank | Phan Tiến Giáp |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 921 | Phạm Thị Hồng Ngát | 12/12/1950 | 030050006713 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231096451 | Agribank | |
| 922 | Nguyễn Thị Duy | 05/12/1950 | 30150002042 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249009189 | Agribank | Nguyễn Thị Duy |
| 923 | Phạm Thị Nhiễn | 02/12/1950 | 030150009427 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231042837 | Agribannk | Phạm Thị Nhiễn |
| 924 | Vũ Thị Thanh Toàn | 05/11/1954 | 030154000092 | Đinh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 2312231082877 | Agribank | |
| 925 | Trương Thị Rào | 06/08/1952 | 030152008304 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 2312231043222 | Agribank | |
| 926 | Phạm Thị Nhuân | 02/07/1952 | 030152004509 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 4603017686 | BIDV | Phạm Hữu Phong |
| 927 | Phạm Thị Riu | 18/04/1954 | 030154004678 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 4630070788 | BIDV | Phạm Xuân Tới |
| 928 | Nguyễn Thị Ga | 15/08/1952 | 030152006787 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 46010002538209 | BIDV | Nguyễn Văn Phức |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 929 | Phạm Thị Gìn | 07/12/1953 | 030153011219 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 0978324911 | Viettinbank | Phạm Thị Thảo |
| 930 | Ngô Thị Bóng | 09/02/1952 | 030152009284 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 0341006994678 | Vietcombank | Nguyễn Thị Lương |
| 931 | Phạm Thị Kiều | 25/07/1947 | 030147005119 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 103360309999 | Vietinbank | Phạm Thị Thược |
| 932 | Phạm Thị Thơ | 01/01/1947 | 030147009878 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0373494645 | Vietinbank | Phạm Thị Mến |
| 933 | Phạm Thị Xum | 08/02/1949 | 030149000888 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1044248081 | Vietcombank | Phạm Văn Tấn |
| 934 | Phạm Thị Bến | 17/02/1949 | 030149002960 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205375235 | Agribank | Phạm Huy Hiện |
| 935 | Phạm Thị Chiều | 01/01/1954 | 030154003397 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 0341006809737 | Vietcombank | Phạm Thị Vân |
| 936 | Phạm Thị Hứa | 01/01/1952 | 030152004861 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 0341007070567 | Vietcombank | Bùi Thị Tâm |
| 937 | Trương Thị Dùng | 07/01/1951 | 030151000997 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 102879646854 | Viettinbank | Nguyễn Huy Sỹ |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 938 | Nguyễn Thị Can | 01/01/1951 | 030151005133 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 4749948127250 | MB | Nguyễn Thị Can |
| 939 | Phạm Thị Đỏ | 01/01/1951 | 030151000964 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1035192228 | Vietcombank | Bùi thị Mến |
| 940 | Chu Thị Ngoan | 05/05/1948 | 030148000465 | Đình Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231127635 | Agribank | Chu Xuân Năng |
| 941 | Nguyễn Minh Khương | 20/12/1950 | 030050010325 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205374232 | Agribank | Nguyễn Đắc Cương |
| 942 | Doãn Thị Nhinh | 01/01/1951 | 030151009480 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 970422920647619198 2 | MBBank | Đàm Hữu Chuộng |
| 943 | Nguyễn Thị Xoan | 01/01/1951 | 030151001861 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 109881186470 | Vietinbank | Nguyễn Minh Thuân |
| 944 | Phạm Thị Vỡ | 01/06/1949 | 030149002096 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231081708 | Agribank | |
| 945 | Nguyễn Thị Hoa | 01/01/1952 | 030152013291 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 2312231081352 | Agribank | |
| 946 | Nguyễn Thị Tĩnh | 10/12/1954 | 030154005136 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 2312231081209 | Agribank | |
| 947 | Nguyễn Thị Sáng | 22/9/1946 | 030146000566 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231071178 | Agribank | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 948 | Phạm Thị Minh Cân | 28/12/1953 | 030153000379 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng | 700.000 | 2312205314072 | Agribank | Nguyễn Thế Anh |
| 949 | Nguyễn Thị Du | 01/01/1955 | 030155000612 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 2312231073910 | Agribank | |
| 950 | Nguyễn Thị Ưng | 04/7/1947 | 030147006406 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1058603902 | Vietcombank | Ngô Thị Thương |
| 951 | Nguyễn Thị Lựu | 12/02/1950 | 030150002409 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231073932 | Agribank | |
| 952 | Phạm Văn Chín | 19/01/1951 | 030051006039 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0965970801 | MB Bank | Phạm Văn Bắc |
| 953 | Nguyễn Thị Đà | 01/01/1951 | 030151010118 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0986934527 | Vietinbank | Phạm Thị Minh Tân |
| 954 | Phạm Thị Hiếu | 11/06/1954 | 030154013381 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 0962088629 | Vietinbank | Phạm Thị Hiếu |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 955 | Nguyễn Thị Điệm | 13/05/1955 | 030155000249 | Đình Tân | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 9704229265876164 | MBBank | Hoàng Mạnh Đạt |
| 956 | Đặng Thị Như | 01/01/1955 | 030155008751 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 4602627000 | BIDV | Trần Văn Thắng |
| 957 | Phạm Văn Rồi | 02/02/1951 | 030051000867 | Đình Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231082673 | Agribank | Phạm Văn Rồi |
| 958 | Trần Thị Thinh | 02/9/1942 | 030142001833 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312231034658 | Agribank | Bùi Nam Thao |
| 959 | Nguyễn Thị Bửa | 01/01/1951 | 030151002331 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 9978305099 | Vietcombank | Hà Đức Thành |
| 960 | Nguyễn Thị Oánh | 10/10/1955 | 030155006504 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 100007033459 | Vietinbank | Nguyễn Đức Nam |
| 961 | Nguyễn Thị Hy | 03/5/1951 | 030151000885 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 9704229244814062 | MB | Nguyễn Thị Mai |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 962 | Nguyễn Thị Chiêm | 01/01/1948 | 030148008898 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 105868252670 | Vietinbank | Nguyễn Công Sơn |
| 963 | Bùi Thị San | 01/01/1951 | 030151003282 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 1055070045 | Vietcombank | Trần Văn Vũ |
| 964 | Phạm Thị Nghiêu | 10/02/1951 | 030151007010 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312205025260 | Agribank | Phạm Thị Thu Hà |
| 965 | Phạm Thị Đúp | 18/02/1951 | 030151002234 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 3389994117 | Vietcombank | Phạm Thị Sắc |
| 966 | Nguyễn Thị Sáo | 01/01/1951 | 03015100707 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0835278983 | MB | Phạm Văn Minh |
| 967 | Trần Thị Nhuần | 06/02/1951 | 030151002196 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0978433088 | BIDV | Trần Khánh Toàn |
| 968 | Nguyễn Thị Mĩn | 28/12/1950 | 030150003699 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 0341006937294 | Vietcombank | Nguyễn Thị Phương |
| 969 | Trần Thị Bời | 01/02/1951 | 030051001989 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 8841544027 | BIDV | Nguyễn Văn Tuấn |
| 970 | Phạm Văn Luân | 01/01/1951 | 030051001410 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên | 700.000 | 2312249001158 | Agribank | Phạm Văn Luân |
| 971 | Bùi Thị Kề | 03/01/1956 | 030156000437 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 109001832994 | Vietinbank | Bùi Duy Chinh |
| 972 | Vũ Thị Lòng | 01/01/1951 | 030151000258 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 3688128386 | Techcombanh | Phạm Văn Đức Tuấn |
| 973 | Đàm Thị Ân | 25/02/1951 | 030151002047 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 102001677518 | Vietinbank | Pham Huy Son |
| 974 | Phạm Thị Chiển | 01/01/1951 | 030151005141 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 0341007115327 | Vietcombank | Trương Đức Hảo |
| 975 | Phạm Thị Quanh | 28/02/1951 | 030151001921 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 20001014982818 | MSB | Phạm Thị Hồng Mến |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 976 | Nguyễn Thị Nhiễu | 03/02/1951 | 030151000944 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 2312205214820 | Agribank | Vũ Thị Thơ |
| 977 | Phạm Thị Xô | 01/01/1951 | 030151005601 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 2312036666755 | Agribank | Phạm Văn Bắc |
| 978 | Vũ Văn Thuấn | 08/3/1951 | 030051003721 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 2312205214820 | Agribank | Vũ Thị Thơ |
| 979 | Vũ Huy Hường | 16/3/1951 | 030051000080 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 0141000734954 | Vietcombank | Vũ Văn Khiêm |
| 980 | Nguyễn Thị Phường | 06/3/1951 | 030151000438 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 2312231002537 | Agribank | Nguyễn Thị Phường |
| 981 | Trương Thị Lán | 18/3/1951 | 30151002293 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 8878189102 | BIDV | Trương Thị Lán |
| 982 | Phạm Trung Tới | 27/3/1951 | 030051001767 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 4681660451 | BIDV | Phạm Văn Thành |
| 983 | Trương Văn Gác | 28/3/1951 | 030051003795 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 9704229200242978301 | MBBank | Nguyễn Thị Nhàn |
| 984 | Phạm Thị Nõn | 25/05/1954 | 030154001056 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng | 700.000 | 0341007056661 | Vietcombank | Vi Thị Hạnh |
| 985 | Đặng thị Châm | 01/01/1951 | 030151002001 | Tứ Xuyên | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 4682038459 | BIDV | Nguyễn Thiên Bình |
| 986 | Đỗ Văn Thùng | 16/3/1951 | 030051004649 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 4602496307 | BIDV | Lê Thị Thúy |
| 987 | Nguyễn Văn Doa | 05/01/1951 | 030051005724 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 124381 | MB | Vũ Thị Nga |
| 987 | Phạm Văn Sáng | 05/05/1951 | 030051007712 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 2312231017137 | Agribank | Phạm Văn Sáng |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 988 | Đặng Thị Khoái | 15/5/1951 | 030151000336 | Đỉnh Tân | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 198369888888 | MB | Vũ Văn Tuấn |
| 989 | Nguyễn Thị Nếm | 19/5/1951 | 030151005653 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 2312231131655 | Agribank | Trần Văn Rực |
| 990 | Nguyễn Xuân Nức | 06/01/1951 | 030051000992 | Toại An | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 4603171971 | BIDV | Nguyễn Thị Luyến |
| 991 | Nguyễn Thị Vụ | 30/5/1951 | 030151003422 | Tây Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 100869206568 | Vietinbank | Nguyễn Huy Thiện |
| 992 | Nguyễn Đức Diệu | 06/12/1951 | 030051001308 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 2312231087858 | Agribank | Nguyễn Đức Diệu |
| 993 | Phạm Hữu Liễn | 06/10/1951 | 030051005012 | Thanh Kỳ | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 1056090153 | Vietcombank | Phạm Hữu Liễn |
| 994 | Phạm Thị Chiến | 07/03/1951 | 34151002310 | Văn Tố | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 0933653886 | MB | Nguyễn Công Minh |
| 995 | Phạm Văn Huỳnh | 07/05/1951 | 30051004207 | An Thanh | Chí Minh | Người từ đủ 75 tuổi trở lên. | 700.000 | 2312231043505 | Agribank | Phạm Văn Huỳnh |
| | | | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng** | | | | | | **696.500.000** | | | |

Ấn định: Số người: 996 người, Số tiền: **696.500.000** **đồng**

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

**Người lập** **TM. PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**
**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thu Hường** **Nguyễn Thị Thu Trang**